

LỜI NÓI ĐẦU

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

TSCĐ nếu được sử dụng đúng mục đích, phát huy được năng suất làm việc, kết hợp với công tác quản lý sử dụng TSCĐ có hiệu quả thì sẽ góp phần tiết kiệm tư liệu sản xuất, nâng cao cả về số lượng và chất lượng sản phẩm sản xuất cũng như dịch vụ và như vậy doanh nghiệp sẽ thực hiện được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình.

Nhận thức được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng em đã chọn đề tài : “ **Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định với việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.**” Với những hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tế ngắn ngủi, cùng với sự giúp đỡ của lãnh đạo và cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty, em hy vọng sẽ nắm bắt được phần nào về sự hiểu biết đối với lĩnh vực kế toán tài sản cố định trong Công ty.

Khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1 : Lý luận chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Phần 2: Thực trạng hạch toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

Trong quá trình thực tập, nghiên cứu, sưu tầm tài liệu em được sự quan tâm hướng dẫn tận tình của cô giáo **Ths. Lê Thị Nam Phương**, được sự giúp đỡ của toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán - Công ty CP giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Em xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự góp ý để nâng cao thêm chất lượng của đề tài.

PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1.1.1. Khái niệm về tài sản cố định.

Tài sản cố định(TSCĐ) trong doanh nghiệp là những tài sản do doanh nghiệp nắm giữ dùng vào các hoạt động của doanh nghiệp có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ đó.

Chế độ kế toán của từng quốc gia thường quy định cụ thể tiêu chuẩn về giá trị TSCĐ , tùy theo điều kiện kinh tế, yêu cầu và trình độ quản lý kinh tế trong từng thời kỳ nhất định.

Ở Việt Nam theo chuẩn mực kế toán số 03, 04 , 06 và chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ như sau:

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn ghi nhận sau đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ đó.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- Thời gian sử dụng tài sản từ 1 năm trở lên.
- Có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên.

1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định.

Xét về mặt hình thái vật chất, TSCĐ trong doanh nghiệp gồm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ có những đặc điểm sau:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, TSCĐ hữu hình không thay đổi hình thái biểu hiện ban đầu.

- Trong quá trình sử dụng bị hao mòn dần(tính hữu ích là có hạn, trừ đất đai) phần giá trị hao mòn được chuyển dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao.

1.1.3. Phân loại tài sản cố định.

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ, cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của TSCĐ và phục vụ tốt cho công tác thống kê TSCĐ.

Tài sản cố định có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể:

1.1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.

Tài sản cố định được phân thành TSCĐ vô hình, TSCĐ hữu hình

* **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- Nhà cửa vật kiến trúc: Bao gồm các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, cầu cống... phục vụ cho SXKD.
- Máy móc thiết bị: Bao gồm các loại máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh.
- Thiết bị phương tiện vận tải truyền dẫn: Là các phương tiện dùng để vận chuyển như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác (ô tô, máy kéo, xe tải...)
- Thiết bị dụng cụ dùng cho quản lý: gồm các thiết bị dụng cụ phục vụ cho quản lý như dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà.
- Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm: Gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su...) súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- Tài sản cố định phúc lợi: Gồm tất cả TSCĐ sử dụng cho nhu cầu phúc lợi công cộng (Nhà ăn, nhà nghỉ, nhà văn hoá, sân bóng, thiết bị thể thao...)

- Tài sản cố định hữu hình khác: Bao gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

* **Tài sản cố định vô hình:** Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có:

- Chi phí thành lập, chuẩn bị sản xuất: Bao gồm các chi phí liên quan đến việc thành lập, chuẩn bị sản xuất, chi phí khai hoang, như chi cho công tác nghiên cứu, thăm dò, lập dự án đầu tư, chi phí về huy động vốn ban đầu, chi phí đi lại, hội họp, quảng cáo, khai trương...

- Bằng phát minh sáng chế: Là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để mua lại các bản quyền tác giả, bằng sáng chế, hoặc trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử, được nhà nước cấp bằng phát minh sáng chế.

- Chi phí nghiên cứu phát triển: Là các khoản chi phí cho việc nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp do đơn vị đầu tư hoặc thuê ngoài.

- Lợi thế thương mại: Là các khoản chi phí về lợi thế thương mại do doanh nghiệp phải trả thêm ngoài giá trị thực tế của các TSCĐ hữu hình, bởi sự thuận lợi của vị trí thương mại, sự tín nhiệm của khách hàng hoặc danh tiếng của doanh nghiệp.

- Quyền đặc nhượng (hay quyền khai thác): Bao gồm các chi phí doanh nghiệp phải trả để mua đặc quyền khai thác các nghiệp vụ quan trọng hoặc độc quyền sản xuất, tiêu thụ một loại sản phẩm theo các hợp đồng đặc nhượng đã ký kết với Nhà nước hay một đơn vị nhượng quyền cùng với các chi phí liên quan đến việc tiếp nhận đặc quyền (Hoa hồng, giao tiếp, thủ tục pháp lý...)

- Quyền thuê nhà: Là chi phí phải trả cho người thuê nhà trước đó để được thừa kế các quyền lợi về thuê nhà theo hợp đồng hay theo luật định.

- Nhãn hiệu: Bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải trả để mua lại nhãn hiệu hay tên một nhãn hiệu nào đó. Thời gian có ích của nhãn hiệu thương mại kéo

dài suốt thời gian nó tồn tại, trừ khi có dấu hiệu mất giá (sản phẩm, hàng hoá mang nhãn hiệu đó tiêu thụ chậm, doanh số giảm...)

- Quyền sử dụng đất: Bao gồm toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc giành quyền sử dụng đất đai, mặt nước trong một khoảng thời gian nhất định.

- Bản quyền tác giả: Là tiền chi phí thù lao cho tác giả và được Nhà nước công nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán tác phẩm của mình

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

1.1.3.2. Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu.

Theo tiêu thức này TSCĐ được phân thành TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

* **TSCĐ tự có**: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

* **TSCĐ đi thuê** lại được phân thành:

- TSCĐ thuê hoạt động: Là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng ký kết.

- TSCĐ thuê tài chính: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau đây:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận của hai bên.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm mua lại.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm ký hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

1.1.3.3. Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành.

Đúng trên phương diện này TSCĐ được chia thành:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn được ngân sách cấp hay cấp trên cấp.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của doanh nghiệp (quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi...).
- TSCĐ nhận góp vốn liên doanh.

Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành, cung cấp được các thông tin về cơ cấu nguồn vốn hình thành TSCĐ. Từ đó có phương hướng sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ một cách hiệu quả và hợp lý.

1.1.3.4. Phân loại TSCĐ theo công dụng và tình hình sử dụng.

Đây là một hình thức phân loại rất hữu ích và tiện lợi cho việc phân bổ khấu hao vào tài khoản chi phí phù hợp. Theo tiêu thức này, TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh : Là những TSCĐ đang thực tế sử dụng, trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh .
- TSCĐ dùng trong mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng: Là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.
- TSCĐ chờ xử lý: Bao gồm các TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

- TSCĐ bảo quản, giữ hộ nhà nước: Bao gồm những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ nhà nước theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mặc dù, TSCĐ được chia thành từng nhóm với đặc trưng khác nhau, Nhưng trong công tác quản lý, TSCĐ phải được theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ cụ thể và riêng biệt, gọi là đối tượng ghi TSCĐ. Đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị TS có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau, thực hiện 1 hay 1 số chức năng nhất định. Trong sổ kế toán mỗi một đối tượng TSCĐ được đánh một số hiệu nhất định, gọi là số hiệu hay danh điểm TSCĐ.

1.2. ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện giá trị TSCĐ theo những quy tắc nhất định. Đánh giá TSCĐ là điều kiện cần thiết để hạch toán TSCĐ, trích khấu hao và phân tích hiệu quả sử dụng tài sản trong doanh nghiệp. Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu quản lý TSCĐ trong quá trình sử dụng, TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1.2.1. Nguyên giá TSCĐ

Nguyên giá TSCĐ là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra để có TSCĐ cho tới khi đưa TSCĐ vào hoạt động bình thường. Nguyên giá TSCĐ là căn cứ cho việc tính khấu hao TSCĐ, do đó nó cần phải được xác định dựa trên cơ sở nguyên tắc giá phí và nguyên tắc khách quan. Tức là nguyên giá TSCĐ được hình thành trên chi phí hợp lý hợp lệ và dựa trên các căn cứ có tính khách quan, như hoá đơn, giá thị trường của TSCĐ...

Việc xác định nguyên giá được xác định cụ thể cho từng loại như sau:

*** Đối với TSCĐ hữu hình:**

- Nguyên giá TSCĐ loại mua sắm (kể cả mua mới và cũ) bao gồm giá thực tế phải trả, lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ khi chưa đưa TSCĐ vào sử dụng, các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng, chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có)...

- Nguyên giá TSCĐ loại đầu tư xây dựng (cả tự làm và thuê ngoài): Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

- Nguyên giá TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến:

+ Nếu là đơn vị hạch toán độc lập: Nguyên giá bao gồm giá trị còn lại trên sổ ở đơn vị cấp (hoặc giá trị đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận) và các chi phí tân trang, chi phí sửa chữa, vận chuyển bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử mà bên nhận tài sản phải chi trả trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

+ Nếu điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc: Nguyên giá, giá trị còn lại là số khấu hao lũy kế được ghi theo sổ của đơn vị cấp. Các phí tổn mới trước khi dùng được phản ánh trực tiếp vào chi phí kinh doanh mà không tính vào nguyên giá TSCĐ.

- Nguyên giá TSCĐ loại được cho, được biếu tặng, nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa... Bao gồm giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận cùng các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

*** Đối với TSCĐ vô hình.**

- Nguyên giá của TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế phải trả khi thực hiện như phí tổn thành lập, chi phí cho công tác nghiên cứu, phát triển...

Trong thời gian sử dụng, nguyên giá TSCĐ có thể bị thay đổi, khi đó phải căn cứ vào thực trạng để ghi tăng hay giảm nguyên giá TSCĐ. Nguyên giá TSCĐ trong doanh nghiệp chỉ thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị TSCĐ
- Nâng cấp TSCĐ
- Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán số khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo các quy định hiện hành.

1.2.2. Giá trị hao mòn TSCĐ

Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần giá trị sử dụng của TSCĐ do tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của TSCĐ. Để thu hồi lại giá trị hao mòn của TSCĐ để tái sản xuất lại TSCĐ, người ta tiến hành trích khấu hao bằng cách chuyển phần giá trị hao mòn của tài sản đó vào giá trị sản phẩm tạo ra hoặc vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Hao mòn là một hiện tượng khách quan còn khấu hao lại là việc tính toán và phân bổ có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí kinh doanh qua thời gian sử dụng của TSCĐ.

1.2.3. Xác định giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá trị còn lại của tài sản cố định được xác định bằng hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế của TSCĐ đó tính đến thời điểm xác định. Đây là chỉ tiêu phản ánh đúng trạng thái kỹ thuật của TSCĐ, số tiền còn lại cần tiếp tục thu hồi dưới hình thức khấu hao và là căn cứ để lập kế hoạch tăng cường đổi mới TSCĐ.

Qua phân tích và đánh giá ở trên ta thấy mỗi loại giá trị có tác dụng phản ánh nhất định, nhưng vẫn còn có những hạn chế, vì vậy kế toán TSCĐ theo dõi cả 3 loại, nguyên giá, giá trị đã hao mòn và giá trị còn lại để phục vụ cho nhu cầu quản lý TSCĐ.

1.3. HẠCH TOÁN BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1.3.1. Tài khoản sử dụng.

Theo chế độ hiện hành, việc hạch toán TSCĐ được theo dõi trên các tài khoản chủ yếu sau:

* TK 211 “Tài sản cố định hữu hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá.

| Nợ | TK 211 | Có |
|---|--------|--|
| ĐĐK: Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ | | Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm trong kỳ |
| DCK: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có | | |

Tài khoản 211 được chi tiết đến các tài khoản cấp hai sau:

TK 2112: Nhà cửa vật kiến trúc

TK 2113: Máy móc thiết bị

TK 2114: Phương tiện vận tải truyền dẫn

TK 2115: Thiết bị dụng cụ quản lý

TK 2116: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.

TK 2118: TSCĐ hữu hình khác.

* TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp

| Nợ | TK 212 | Có |
|---|--------|--|
| ĐĐK: Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ | | Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm trong kỳ |
| DCK: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có | | |

* Tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ vô hình của doanh nghiệp .

| Nợ | TK 213 | Có |
|---|--------|---|
| ĐĐK: Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình tăng trong | | Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình giảm trong kỳ |
| DCK: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có tại DN | | |

Tài khoản 213 có các tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2131: Quyền sử dụng đất

TK 2132: Chi phí thành lập doanh nghiệp

TK 2133: Bằng phát minh sáng chế

TK 2134: Chi phí nghiên cứu phát triển

TK 2138: TSCĐ vô hình khác

* Tài khoản 214 “Hao mòn TSCĐ”: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại TSCĐ của doanh nghiệp.

| Nợ | TK 214 | Có |
|---|---|----|
| Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ giảm do các lý do giảm TSCĐ | DDK: Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ tăng do trích khấu hao, do đánh giá lại TSCĐ | |
| | DCK: Giá trị hao mòn của TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp | |

Tài khoản 214 có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2142: Hao mòn TSCĐ đi thuê

TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

* Tài khoản 411 “Nguồn vốn kinh doanh”: Đây là tài khoản phản ánh số vốn kinh doanh hiện có và tình hình tăng giảm vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

| Nợ | TK 411 | Có |
|------------------------------|--|----|
| Vốn kinh doanh giảm trong kỳ | ĐDK: Vốn kinh doanh tăng trong kỳ | |
| | DCK: Vốn kinh doanh hiện có của doanh nghiệp | |

TK 411 được chi tiết theo từng nguồn hình thành vốn. Trong đó cần theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Ngoài các TK nêu trên, trong quá trình thanh toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như 111, 112, 142, 331, 335, 241 ... và một số tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán như TK 001 “TSCĐ thuê ngoài”

1.3.2. Hạch toán chi tiết tài sản cố định.

TSCĐ trong doanh nghiệp biến động chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trong doanh nghiệp. TSCĐ trong doanh nghiệp biến động do nhiều nguyên nhân, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào đều phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ chứng minh cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hoàn thành hệ thống chứng từ này gồm:

Biên bản giao nhận TSCĐ: dùng để ghi chép, theo dõi sự thay đổi của TSCĐ. Khi có sự thay đổi, giao nhận TSCĐ do bất kỳ nguyên nhân nào cũng phải thành lập Hội đồng giao nhận TSCĐ. Trường hợp giao nhận cùng lúc nhiều TSCĐ cùng loại thì biên bản này có thể được lập chung nhưng sau đó phải sao cho mỗi TSCĐ một bản để lưu vào hồ sơ riêng.

Hồ sơ TSCĐ: Mỗi TSCĐ phải có một bộ hồ sơ riêng bao gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, các bản sao tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng các hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc mua sắm, sửa chữa TSCĐ.

Sổ chi tiết TSCĐ: Lập chung cho toàn doanh nghiệp. Trên sổ ghi chép các diễn biến liên quan đến TSCĐ trong quá trình sử dụng như trích khấu hao, TSCĐ tăng, giảm... Mỗi bộ phận sử dụng TSCĐ lập sổ theo dõi tài sản để ghi chép các thay đổi do tăng, giảm TSCĐ.

Khi đưa vào sử dụng, mỗi TSCĐ được theo dõi riêng bằng một thẻ TSCĐ. Thẻ TSCĐ giúp cho đơn vị nắm được lý lịch của TSCĐ, nguyên giá TSCĐ và nguồn vốn hình thành TSCĐ, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ..

Khi giảm TSCĐ, doanh nghiệp phải lập đầy đủ hồ sơ thủ tục theo từng trường hợp:

Nếu thanh lý TSCĐ, doanh nghiệp phải căn cứ vào quyết định thanh lý để thành lập Ban thanh lý TSCĐ.

Nếu nhượng bán TSCĐ, kế toán phải lập hóa đơn bán TSCĐ.

Nếu chuyển giao TSCĐ cho doanh nghiệp khác thì phải lập biên bản giao nhận TSCĐ.

Nếu phát hiện thiếu mất TSCĐ thì phải lập biên bản thiếu, mất TSCĐ.

Các chứng từ được lập trong từng trường hợp trên là căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ và các sổ hạch toán chi tiết TSCĐ.

1.3.3. Hạch toán tổng hợp tình hình biến động tài sản cố định.

1.3.3.1. Hạch toán tăng TSCĐ hữu hình.

TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp tăng do rất nhiều nguyên nhân như tăng do mua sắm, xây dựng, cấp phát... kế toán cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để ghi sổ cho phù hợp. Đối với các doanh nghiệp tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ, các nghiệp vụ tăng TSCĐ được hạch toán như sau: (với doanh nghiệp tính thuế VAT theo phương pháp trực tiếp, cách hạch toán tương tự, chỉ khác số thuế VAT đầu vào không tách riêng mà hạch toán vào nguyên giá TSCĐ).

a. Tăng do mua ngoài không qua lắp đặt:

Kế toán phản ánh các bút toán:

BT1: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 133 (1332): Thuế VAT được khấu trừ

Có TK 331: Tổng số tiền chưa trả người bán.

Có TK 341, 111, 112: Thanh toán ngay (kể cả phí tổn mới).

BT2: Kết chuyển tăng nguồn vốn tương ứng (trường hợp đầu tư bằng vốn chủ sở hữu).

Nợ TK 4141: Nếu dùng quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 4312: Nếu dùng quỹ phúc lợi để đầu tư

Nợ TK 441: Dùng nguồn vốn XDCB

Có TK 411: Nếu TSCĐ dùng cho hoạt động kinh doanh

Có TK 4312: Nếu dùng cho hoạt động phúc lợi.

Còn nếu đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh, nguồn vốn khấu hao thì không phải kết chuyển nguồn vốn.

b. Trường hợp mua sắm phải thông qua lắp đặt trong thời gian dài

Kế toán phải tiến hành tập hợp chi phí mua sắm, lắp đặt theo từng đối tượng. Khi hoàn thành, bàn giao mới ghi tăng nguyên giá TSCĐ và kết chuyển nguồn vốn.

- Tập hợp chi phí mua sắm, lắp đặt (giá mua, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác trước khi dùng).

Nợ TK 241 (2411): Tập hợp chi phí thực tế

Nợ TK 133 (1332): Thuế VAT được khấu trừ

Có TK liên quan (331, 341, 111, 112...)

- Khi hoàn thành nghiệm thu, đưa vào sử dụng:

+Ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211: (Chi tiết từng loại)

Có TK 241 (2411)

+Kết chuyển nguồn vốn (đầu tư bằng vốn chủ sở hữu)

Nợ TK 4141, 441, 4312

Có TK 411 (hoặc 4313)

c. Trường hợp tăng do xây dựng cơ bản bàn giao

BT1: Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản được tập hợp riêng trên Tk 241 (2412), chi tiết theo từng công trình.

Nợ TK 241(2)

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 152,153,214,111...

BT2: Công trình hoàn thành bàn giao, ghi tăng nguyên giá.

Nợ TK 211: Nguyên giá

Có TK 241(2)

d. Trường hợp tăng do nhận vốn góp liên doanh

Căn cứ vào giá trị vốn góp do 2 bên thoả thuận, kế toán ghi tăng vốn góp vào nguyên giá TSCĐ.

Nợ TK 211: Nguyên giá

Có TK 411(chi tiết vốn liên doanh): Giá trị vốn góp

e. Trường hợp nhận lại vốn góp liên doanh

Căn cứ vào giá trị còn lại được xác định tại thời điểm nhận, kế toán ghi các bút toán sau:

BT1: Phản ánh nguyên giá TSCĐ nhận về

Nợ TK 211: nguyên giá (theo giá trị còn lại)

Có TK 128: Nhận lại vốn góp liên doanh ngắn hạn

Có TK 222: Nhận lại vốn góp liên doanh dài hạn.

BT2: Chênh lệch giữa giá trị vốn góp với giá trị còn lại (nếu hết hạn liên doanh hoặc rút hết vốn không tham gia nữa vì liên doanh không hấp dẫn...)

Nợ TK liên quan (111,112,152,1388...)

Có TK 222, 128

g. Trường hợp tăng do chuyển từ công cụ, dụng cụ thành TSCĐ

- Nếu CCDC còn mới, chưa sử dụng

Nợ TK 211: Nguyên giá (giá thực tế)

Có TK: 153 (1531)

- Nếu CCDC đã sử dụng

Nợ TK 211: Nguyên giá

Có TK 241:: giá trị đã phân bổ

Có TK 412: phân chênh lệch

h. Tăng do đánh giá TSCĐ

BT1: Phần chênh lệch tăng nguyên giá

Nợ TK 211

Có TK 412: phân chênh lệch

BT2: Phần chênh lệch tăng hao mòn (nếu có)

Nợ TK 412

Có TK 214

i. Trường hợp phát hiện thừa trong kiểm kê

Căn cứ vào nguyên nhân thừa cụ thể để ghi sổ cho phù hợp theo 1 trong các trường hợp đã nêu (nếu do đề ngoài sổ sách chưa ghi sổ). Nếu TSCĐ đó đang sử dụng cần trích bổ sung khấu hao.

Nợ các TK liên quan 627, 641, 642

Có TK 214 (2141)

Nếu không xác định được chủ tài sản thì báo cho cơ quan chủ quản cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý, trong thời gian chờ xử lý, kế toán ghi:

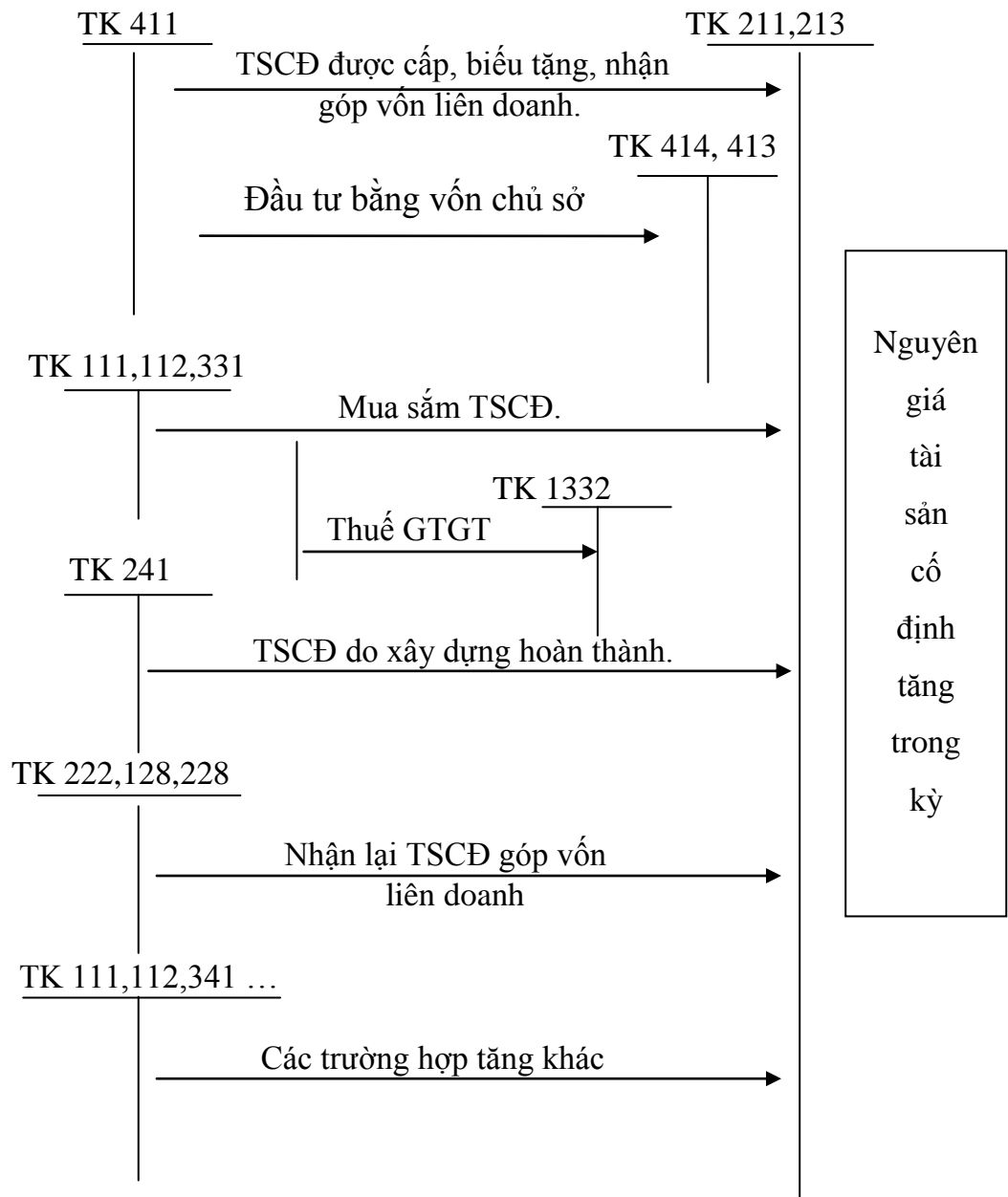
Nợ TK 211: Nguyên giá

Có TK 214: Giá trị hao mòn

Có TK 3381: Giá trị còn lại

Sơ đồ 1.1

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TĂNG TSCĐ HỮU HÌNH, TSCĐ VÔ HÌNH TĂNG DO MUA SẮM, DO XDCB BÀN GIAO...



1.3.3.2. Hạch toán giảm TSCĐ hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu do nhượng bán, thanh lý... Tùy theo từng trường hợp cụ thể, kế toán sẽ phản ánh vào sổ sách cho phù hợp.

a. Nhượng bán TSCĐ hữu hình

Doanh nghiệp được nhượng bán các TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả hay lạc hậu về mặt kỹ thuật để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn. Doanh nghiệp cần làm đủ mọi thủ tục, chứng từ để nhượng bán. Căn cứ vào tình hình cụ thể, kế toán phản ánh các bút toán sau:

BT1: Xóa sổ TSCĐ nhượng bán

Nợ TK 214 (2141): Giá trị hao mòn

Nợ TK 811: Giá trị còn lại

Có TK 211: Nguyên giá

BT2: Doanh thu nhượng bán TSCĐ

Nợ TK liên quan 111, 112, 131: Tổng giá thanh toán

Có TK 711: Doanh thu nhượng bán

Có TK 333 (3331): Thuế VAT phải nộp

Nếu doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp thì phần ghi có TK 711 là tổng giá thanh toán (gồm cả thuế VAT phải nộp)

BT3: Các chi phí nhượng bán khác (sửa chữa, tân trang, môi giới...)

Nợ TK 811: Tập hợp chi phí nhượng bán

Nợ TK 133 (1331): Thuế VAT đầu vào (nếu có)

Có TK 331, 111, 112...

b. Thanh lý TSCĐ hữu hình

TSCĐ thanh lý là những TSCĐ hư hỏng, không sử dụng được mà doanh nghiệp xét thấy không thể (hoặc có thể) sửa chữa để khôi phục hoạt động nhưng không có lợi về mặt kinh tế hoặc những TSCĐ lạc hậu về mặt kỹ thuật hay không

phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh mà không thể nhượng bán được. Kế toán ghi các bút toán:

BT1: Xoá sổ TSCĐ

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn

Nợ TK 811: Giá trị còn lại

Có TK 211: Nguyên giá

BT2: Số thu hồi về thanh lý

Nợ TK 111, 112: Thu hồi bằng tiền

Nợ TK 152: Thu hồi bằng vật liệu nhập kho

Nợ TK 131, 138: Phải thu ở người mua

Có TK 333 (3331): Thuế VAT phải nộp

Có TK 711: Thu nhập về thanh lý

BT3: Tập hợp chi phí thanh lý (tự làm hay thuê ngoài)

Nợ TK 811: Chi phí thanh lý

Nợ TK 133

Có TK có liên quan: 111, 112, 331, 334...

c. Giảm do chuyển thành CCDC nhỏ

Trong trường hợp này, kế toán căn cứ vào giá trị còn lại của TSCĐ để ghi các bút toán cho phù hợp.

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn lũy kế

Nợ TK 627 (6273): Tính vào chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 (6413): Tính vào chi phí bán hàng

Nợ TK 642 (6423): Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ

- Nếu TSCĐ còn mới, chưa sử dụng, kế toán ghi

Nợ TK 153 (1531): Nếu nhập kho

Nợ TK 214 (2141): Nếu đem sử dụng

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ

d. Giảm do góp vốn liên doanh bằng TSCĐ

Những TSCĐ gửi đi tham gia liên doanh do không còn thuộc quyền sử dụng và quản lý của doanh nghiệp nữa nên được coi như khấu hao hết giá trị 1 lần, phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp với giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn sẽ vào bên Nợ hoặc Có tài khoản 412

Nợ TK 222: Góp vốn liên doanh dài hạn

Nợ TK 128: Góp vốn liên doanh ngắn hạn

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ

Nợ (hoặc có) TK 412: Phần chênh lệch

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ

e. Trả lại TSCĐ cho các bên tham gia liên doanh

Khi trả lại vốn góp liên doanh bằng TSCĐ ghi
BT1: Xóa sổ TSCĐ

Nợ TK 411 (chi tiết vốn liên doanh): Giá trị còn lại

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn

Nợ (hoặc có) Tk 412: Phần chênh lệch (nếu có).

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ

BT2: Thanh toán nốt số vốn liên doanh còn lại

Nợ TK 411 (chi tiết vốn liên doanh)

Có TK liên quan 111, 112, 338: Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp với GTCL

g. Thiếu phát hiện qua kiểm kê

Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của giám đốc doanh nghiệp (hoặc cấp có thẩm quyền) kế toán ghi:

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn

Nợ TK 1388, 334: Giá trị cá nhân phải bồi thường

Nợ TK 1381: Giá trị thiếu chờ xử lý

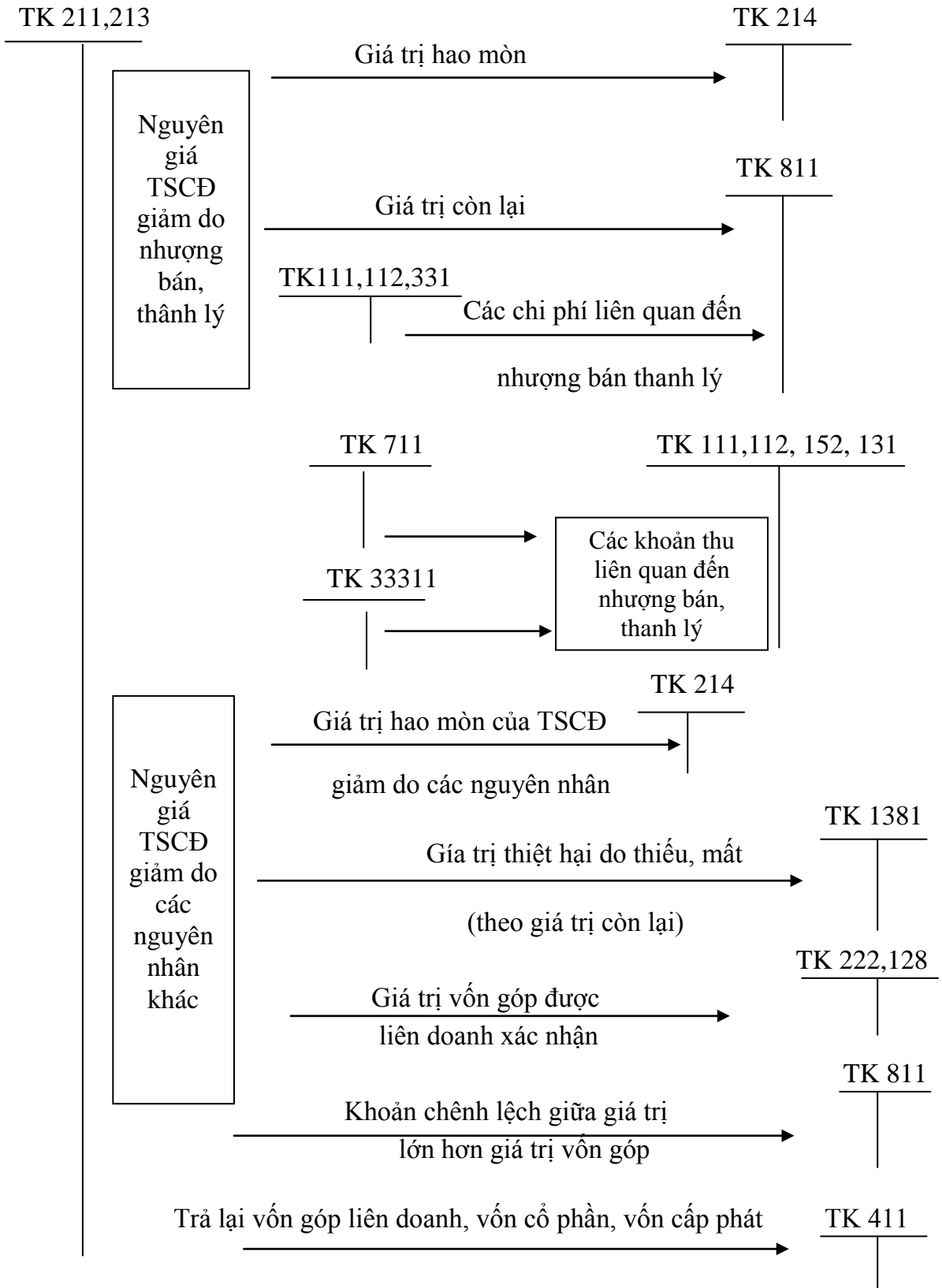
Nợ TK 411: Ghi giảm vốn

Nợ TK 811: Tính vào chi phí bất thường

Có TK 211: Nguyên giá

Sơ đồ 1.2

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH, TSCĐ VÔ HÌNH DO THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN.....



1.3.3.3. Hạch toán TSCĐ đi thuê và cho thuê.

Một thực tế hiện nay là có nhiều doanh nghiệp không có đủ vốn để tiến hành mua sắm TSCĐ phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Song bên cạnh đó, lại có một số doanh nghiệp tồn tại một số TSCĐ chưa cần dùng. Hiện tượng này đã làm nảy sinh quan hệ thuê và cho thuê TSCĐ giữa các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế nhằm thiết lập phương án sử dụng TSCĐ một cách hiệu quả, giải quyết nhu cầu về vốn và tạo thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường.

Thuê TSCĐ có thể được thực hiện dưới hình thức thuê hoạt động hay thuê tài chính, điều này còn phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng TSCĐ trong các doanh nghiệp.

Hạch toán TSCĐ thuê hoạt động

* ***Tại đơn vị đi thuê:*** Đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng TSCĐ theo các quy định trong hợp đồng thuê, doanh nghiệp không tính khấu hao đối với những TSCĐ này, chi phí thuê TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Căn cứ vào hợp đồng thuê TSCĐ và các chi phí khác có liên quan đến việc thuê ngoài (vận chuyển, bốc dỡ...) kế toán ghi:

+ Với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 627, 641, 642: tiền thuê và các chi phí khác có liên quan

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: số tiền thuê phải trả

Có TK 111, 112: các chi phí khác

+ Với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 627, 641, 642: tiền thuê gồm cả thuế GTGT và các chi phí khác

Có TK 331: số tiền thuê phải trả

Có TK 111: các chi phí khác

- Khi trả tiền cho đơn vị cho thuê, kế toán ghi

Nợ TK 331 (hoặc 3388)

Có TK: 111, 112

Ngoài ra, tại đơn vị đi thuê còn theo dõi tài sản cố định thuê hoạt động trên TK 001 “Tài sản thuê ngoài”.

+ Khi đi thuê ghi

Nợ TK: 001

+ Khi trả ghi

Có TK: 001

* **Tại đơn vị cho thuê:** TSCĐ cho thuê hoạt động vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp nên hàng tháng vẫn phải tính khấu hao.

- Các chi phí liên quan đến việc cho thuê như khấu hao TSCĐ, chi phí môi giới, giao dịch, vận chuyển... kế toán phản ánh như sau:

Nợ TK 811: tập hợp chi phí cho thuê

Có TK 214: Khấu hao TSCĐ cho thuê

Có TK 111, 112, 331: Các chi phí khác

- Các khoản thu về cho thuê, kế toán ghi

+ Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 111, 112: tổng số thu

Có TK 711: số thu về cho thuê (không bao gồm thuế GTGT)

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

+ Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK: 111, 112

Có TK 711: tổng thu bao gồm cả thuế GTGT

1.4. KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1.4.1. Khái niệm.

Hao mòn tài sản cố định trong quá trình tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, dưới tác động của môi trường tự nhiên, điều kiện làm việc và tiến bộ khoa học kỹ thuật, tài sản cố định bị hao mòn. Hao mòn TSCĐ gồm 2 loại : Hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình. Hao mòn hữu hình là sự hao mòn vật lý trong quá trình sử dụng do bị cọ xát, ăn mòn, bị hư hỏng từng bộ phận. Hao mòn vô hình là sự giảm giá trị của TSCĐ do tiến bộ khoa học kỹ thuật đã sản xuất ra những tài sản cố định với tính năng và năng suất cao hơn và chi phí thấp hơn.

Khấu hao tài sản cố định là hình thức thu hồi vốn cố định đầu tư vào TSCĐ tương ứng với giá trị hao mòn trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nguồn vốn tái đầu tư tài sản cố định. Nói cách khác, khấu hao là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Vậy khấu hao thực chất là việc doanh nghiệp thu hồi lại giá trị hao mòn của tài sản cố định bằng cách chuyển giá trị hao mòn của TSCĐ vào giá trị sản phẩm làm ra, đó là biện pháp chủ quan trong quản lý còn hao mòn là hiện tượng khách quan làm giảm giá trị và giá trị sử dụng của tài sản cố định. Số khấu hao lũy kế của TSCĐ là tổng cộng số khấu hao đã trích vào các kỳ kinh doanh tính đến thời điểm xác định.

1.4.2. Các phương pháp khấu hao.

Việc tính khấu hao có thể tiến hành theo nhiều phương pháp khác nhau. Việc lựa chọn phương pháp tính khấu hao nào là tùy thuộc vào quy định của nhà nước và chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Theo quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. Có những phương pháp trích khấu hao như sau:

1.4.2.1. Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm, thiết bị và phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý, súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

Theo phương pháp này, số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và được tính theo công thức:

$$M_k = \frac{NG}{T}$$

Trong đó : M_k : mức khấu hao cơ bản bình quân hàng năm của TSCĐ

NG: Nguyên giá TSCĐ

T : Thời gian sử dụng TSCĐ.

Theo phương pháp này thì tỷ lệ khấu hao TSCĐ được xác định như sau:

$$T_k = \frac{1}{T}$$

Trong đó: T_k : Tỷ lệ khấu hao hàng năm của TSCĐ.

T : Thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ.

$$\text{Mức khấu hao trung bình một tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình 1 năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐHH, cần cân nhắc các yếu tố sau:

- Thời gian dự tính mà doanh nghiệp sử dụng TSCĐHH.
- Sản lượng sản phẩm hoặc các đơn vị tính tương tự mà doanh nghiệp dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản.
- Giới hạn có tính pháp lý trong việc sử dụng TSCĐHH.
- Kinh nghiệm của doanh nghiệp trong việc sử dụng tài sản cùng loại.
- Hao mòn vô hình phát sinh trong việc thay đổi, cải tiến dây chuyền công nghệ.

1.4.2.2. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng)
- Là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức dưới đây :

$$M_K = G_H \times T_{KH}$$

Trong đó : M_K : Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ

G_H : Giá trị còn lại của TSCĐ

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao nhanh

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định bằng công thức:

$$T_{KH} = T_K * H_S$$

Trong đó : T_K : Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

H_S : Hệ số điều chỉnh.

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng được xác định như sau :

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng(\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây :

| Thời gian sử dụng của TSCĐ | Hệ số điều chỉnh (lần) |
|--|------------------------|
| Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm) | 1,5 |
| Trên 4 đến 6 năm (4 năm $< t \leq 6$ năm) | 2,0 |
| Trên 6 năm ($t > 6$ năm) | 2,5 |

Những năm cuối, khi mức khấu hao xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng hoặc thấp hơn mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

1.4.2. Phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm.

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công thức thiết kế của TSCĐ.
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm:

+ Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

+ Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.

+ Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm SX} \\ \text{trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho 1} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{Bình quân tính cho} \\ \text{1 đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{năm của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng SP} \\ \text{SX trong năm} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho 1 đơn vị SP} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.5. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

TSCĐ được sử dụng lâu dài và được cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, các bộ phận chi tiết cấu thành TSCĐ bị hao mòn hư hỏng không đều nhau. Do vậy để khôi phục khả năng hoạt động bình thường của TSCĐ, đảm bảo an toàn trong hoạt động SXKD, cần thiết phải tiến hành sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết của TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng. Căn cứ vào mức độ hỏng hóc của TSCĐ mà doanh nghiệp chia công việc sửa chữa làm 2 loại:

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: là việc sửa chữa những bộ phận chi tiết nhỏ của TSCĐ. TSCĐ không phải ngừng hoạt động để sửa chữa và chi phí sửa chữa không lớn.

- Sửa chữa lớn TSCĐ: là việc sửa chữa, thay thế những bộ phận chi tiết nhỏ của TSCĐ, nếu không sửa chữa thì TSCĐ không hoạt động được. Thời gian sửa chữa dài, chi phí sửa chữa lớn.

Công việc sửa chữa lớn TSCĐ có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu.

1.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ.

Khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, qui mô sửa chữa nhỏ, chi phí ít nên khi phát sinh được tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh của bộ phận sử dụng TSCĐ được sửa chữa.

1.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.

Sửa chữa lớn TSCĐ là loại hình sửa chữa có mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Do đó kế toán tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất đều đặn hàng tháng.

PHẦN 2: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng tiền thân là Công ty giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng, là thành viên tổng Công ty giao nhận kho vận ngoại thương trực thuộc Bộ Thương Mại (nay là Bộ công thương) được thành lập ngày 13/8/1970.

Năm 1998 đổi tên là Chi nhánh Công ty giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng, trực thuộc Công ty giao nhận kho vận Ngoại thương theo quyết định số 0335/1998/QĐ - TM- TCCB ngày 17 tháng 3 năm 1998 của Bộ Thương Mại.

Tháng 8 năm 2007 đổi tên thành Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng theo quyết định số 2028/QĐ - BTM ngày 23 tháng 11 năm 2006 và quyết định số 1140/QĐ - BTM ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Bộ thương mại và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần của Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007.

- Tên Tiếng Việt: Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.
- Tên Tiếng Anh: Hai phong foreign trade forwarding and wasehouring joint stock company.
- Tên viết tắt: Vietrans Haiphong
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5A Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313842180 - 0313842007
- FAX: 0313842277
- Email: Vietranshaiphong@hn.vnn.vn

2.1.2. Đặc điểm nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Được thành lập theo quyết định số 2028/QĐ - BTM ngày 23 tháng 11 năm 2006 và quyết định số 1140/QĐ - BTM ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Bộ thương mại. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003359 với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Nhận uỷ thác của các đơn vị kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tổ chức giao nhận vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hoá nghệ thuật, hàng công trình, hành lý cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý, tài liệu, chứng từ, bằng đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ, đường hàng không từ Việt Nam đi các nước và ngược lại.

- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận kho vận, thuê kho bãi, ky ô-t. Thuê và cho thuê các phương tiện vận tải, bốc xếp, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh bằng đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không.

- Dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

- Liên doanh liên kết hợp tác đầu tư với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phát triển các hoạt động kinh doanh về giao nhận vận tải thương mại của Công ty.

- Thuê và cho thuê văn phòng làm việc.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu và nhận làm uỷ thác xuất nhập khẩu hàng hoá, làm đại lý cho các hãng tàu nước ngoài, làm các dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan.

- Thực hiện các dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, dịch vụ ăn uống giải khát.

- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện phụ tùng máy vi tính.

- Kinh doanh khách sạn và dịch vụ khách sạn.

2.1.3: Kết quả đạt được trong những năm qua.

Năm 2009 tình hình suy thoái kinh tế thế giới và trong nước biến động phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN nói chung trong đó có Vietrans Hải Phòng. Tình hình khủng hoảng tài chính, lạm phát cao ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế, tỷ giá ngoại tệ tăng bất thường chưa từng có, giá

xăng dầu tăng giảm đột biến đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu, sản lượng hàng hóa giảm, vận chuyển sụt giảm đáng kể là những thách thức lớn đối với hoạt động SXKD của công ty năm 2009.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như vậy nhưng nhờ sự chỉ đạo, định hướng của ban điều hành Công ty và sự nỗ lực cố gắng của tập thể CBCNV trong việc tập trung khai thác khách hàng, duy trì tiết kiệm và giảm chi phí..Do đó Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2009.

Biểu số 2.1

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009

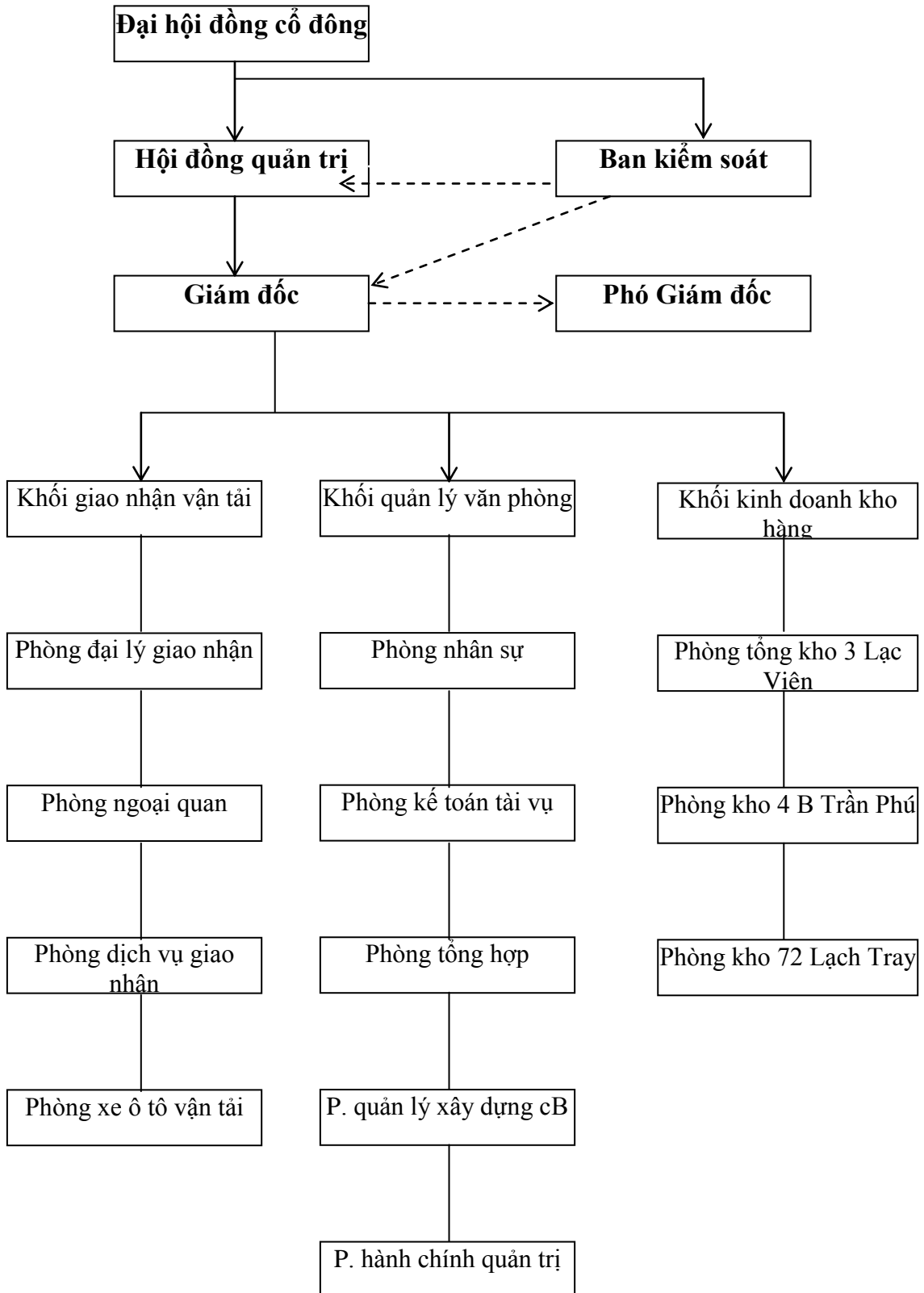
| Các chỉ tiêu | Kế hoạch 2009 | Thực hiện 2009 | Thực hiện 2008 | So sánh (%) | |
|----------------------------|---------------|----------------|----------------|--------------|----------|
| | | | | Kế Hoạch/năm | Năm 2008 |
| Vốn điều lệ | 42.000 | 42.000 | 42.000 | | |
| Doanh thu | 42.953 | 47.933 | 42.953 | 112 | 112 |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.526 | 8.188 | 6.525,8 | 125 | 125 |
| Thuế TNDN | 1.593 | 1.433 | 1.430 | 89 | 89 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.932 | 6.756 | 6.500 | 136 | 136 |
| Nộp ngân sách | 7.378 | 8.505 | 8.510 | 115 | 100 |
| Lao động | 151 | 147 | 147 | 97 | 100 |
| Thu nhập bq(tr.đ/ng/tháng) | 3.5 | 3.7 | 3.5 | 106 | 106 |
| Cổ tức(%) | 8 | 9.5 | 8 | 119 | 119 |

2.1.4: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần, hiện nay Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng đang hoạt động với cơ cấu tổ chức quản lý và mô hình các phòng ban chức năng như sau:

Bộ máy tổ chức mới của Công ty được tổ chức đầy đủ và khoa học được thể hiện qua sơ đồ sau:

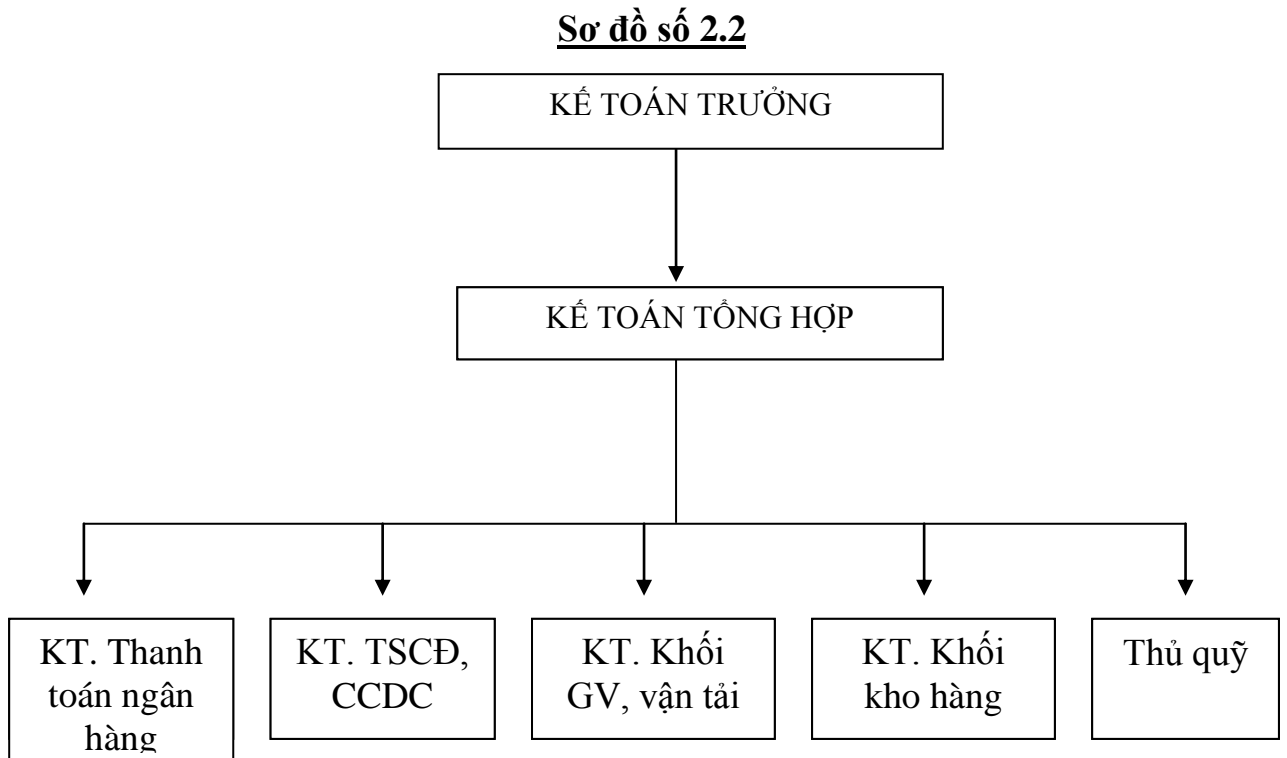
Sơ đồ số 2.1



2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

Cùng với nhiệm vụ vai trò của mình xuất phát từ đặc điểm của tổ chức sản xuất và quản lý của Công ty bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, tức là toàn bộ công tác hạch toán kế toán được thực hiện tại phòng kế toán tài vụ của Công ty. Kế toán tại đơn vị với chức năng nhiệm vụ ghi sổ sách theo dõi, thống kê nghiệp vụ phát sinh, quản lý công nợ tại đơn vị mình, tập hợp chứng từ làm căn cứ lập chứng từ kế toán, thanh toán tại phòng kế toán tài vụ. Tại đây nhân viên kế toán sẽ tập hợp số liệu ghi sổ, hạch toán chi phí, xác định kết quả kinh doanh, lập các báo cáo tài chính.

Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán.



Phòng kế toán tài vụ gồm 7 người được phân công theo chuyên môn:

- Kế toán trưởng: phụ trách chung, có nhiệm vụ chỉ đạo, nghiệp vụ, hướng dẫn toàn bộ công tác kế toán, thống kê phân tích thông tin kinh tế trong Công ty. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thể lệ về quản lý kế toán tài chính và chế độ kế toán.

- Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, lập báo cáo tài chính, quản lý và quyết toán thuế, quản lý và đầu tư TSCĐ, tham gia công tác chỉ đạo chung.

- Kế toán thanh toán ngân hàng: Theo dõi các chứng từ thu chi tiền gửi ngân hàng, mở sổ chi tiết tình hình thanh toán qua ngân hàng. Ngoài ra còn có nhiệm vụ theo dõi phản ánh vào chứng từ, sổ sách tiền gửi, tiền vay ngân hàng.

- Kế toán TSCĐ & CCDC: Ghi chép tổng hợp chính xác số lượng, giá trị TSCĐ, CCDC hiện có, tình hình tăng, giảm và hiện trạng TSCĐ, CCDC vào chi phí sản xuất, theo dõi lập kế hoạch sửa chữa TSCĐ, CCDC.

- Kế toán khối giao nhận vận tải: Có nhiệm vụ theo dõi, tập hợp doanh thu, chi phí, thanh toán và kết quả kinh doanh của khối giao nhận vận tải.

- Kế toán khối kho hàng: Có nhiệm vụ theo dõi, tập hợp doanh thu, chi phí, thanh toán và kết quả kinh doanh của khối giao nhận vận tải.

- Thủ quỹ: thực hiện các nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ hợp lệ hợp pháp.

2.1.6. Hình thức sổ kế toán.

2.1.6.1. Kế toán trình bày quy trình tổng hợp và lập báo cáo tài chính sau:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu quản lý của Công ty còn ban hành thêm các báo cáo quản trị giúp cho lãnh đạo Công ty nắm được tình hình tài chính kinh doanh của Công ty, từ đó xác định phương hướng và ra quyết định trong kinh doanh.

*) Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm tổ chức quản lý và sản xuất, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương tổ chức ghi sổ kế hoạch theo hình thức nhật ký chung, sổ chi tiết, thẻ công nợ và các sổ cái tài khoản.

*) Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản mới thống nhất do nhà nước ban hành và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Công ty không dùng giá hạch toán để đánh giá vật tư, hàng hoá, thành phẩm mà đánh giá theo thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc (nguyên giá), hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. TSCĐ được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tuy nhiên, do nhu cầu quản lý và đặc điểm của quá trình sản xuất kinh doanh Công ty sử dụng một vài tài khoản và một số tài khoản được mở chi tiết cho các đối tượng để tiện cho việc theo dõi, quản lý và hạch toán.

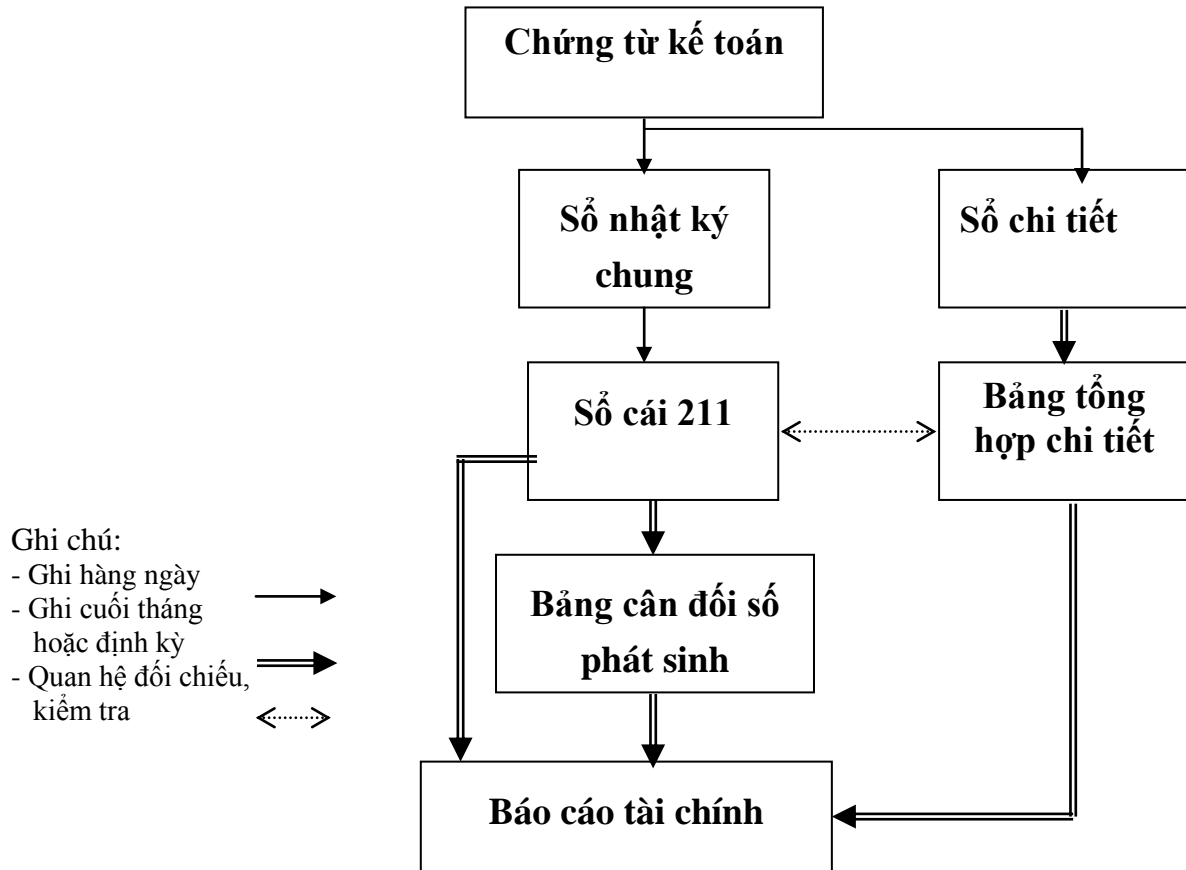
*) Chứng từ kế toán:

- Chứng từ kế toán: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty đều được lập chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, hợp pháp, các chứng từ gốc là cơ sở để lập các chứng từ kế toán, các kế toán phân hành tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết..

- Hết năm, sau khi quyết toán được phê duyệt, các chứng từ và sổ sách tổng hợp được chuyển vào kho lưu trữ theo chế độ hiện hành, tùy theo tính chất quan trọng của chứng từ để quy định thời hạn lưu trữ, thời gian lưu trữ tối thiểu của Công ty là 10 năm.

Sơ đồ số 2.3

Quy trình luân chuyển chứng từ



2.1.6.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2.1.6.3. Hệ thống kế toán

- Hệ thống kế toán mà Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS).
- Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng Tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

2.1.6.4. Chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp áp dụng.

Hiện tại công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/3006 của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001, Quyết định 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002, Quyết định 234/2003/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.2: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại, đánh giá TSCĐ trong công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm TSCĐ trong công ty.

Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ mà hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho tàng, bến bãi, dịch vụ vận tải chuyên chở hàng hóa... Do đó TSCĐ của Công ty chủ yếu là các kho tàng, bến bãi, xe tải... là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.

2.2.1.2. Phân loại TSCĐ.

Theo thống kê của phòng kế toán tài chính, tính đến ngày 31/12/2009, số lượng TSCĐ của Công ty hiện có như sau:

- Nhà cửa, kiến trúc:
 - + Trụ sở chính: số 5A - Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng
 - + Nhà kho: kho 3 Lạc Viên, kho 4B Trần Phú, kho 72 Lạch Tray
 - + Vật kiến trúc khác: nhà bảo vệ, tường rào, cửa xếp điện....
- Máy móc thiết bị: 1 cân điện tử 100 tấn

- Phương tiện vận tải:
 - + 7 ô tô đầu kéo Dongfeng
 - + 3 ô tô vận tải
 - + 6 Sơ mi rômoóc Jupiter
 - + 3 xe nâng hàng
 - + 3 ô tô con Toyota
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Máy vi tính sony VAIO, máy photocopy Aficio.
- Tài sản cố định khác: điều hòa nhiệt độ,....

Hiện tại ở công ty có các cách phân loại TSCĐ sau:

* Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện (31/12 2009)

Biểu số 2.2

| Loại TSCĐ | Nguyên giá | KHCB năm 2009 | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| I. TSCĐ hữu hình | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 36.763.819.749 |
| 1. Nhà cửa, vật kiến trúc | 79.611.328.805 | 3.672.511.945 | 47.768.815.782 | 31.842.513.023 |
| 2. Máy móc thiết bị | 562.200.000 | 112.440.000 | 163.975.000 | 398.225.000 |
| 3. Phương tiện vận tải | 8.278.116.807 | 771.861.575 | 3.843.350.879 | 4.434.765.928 |
| 4. Thiết bị, dụng cụ quản lý | 104.262.582 | 24.114.440 | 20.153.696 | 84.108.886 |
| 5. Tài sản cố định khác | 10.628.000 | 2.125.608 | 6.421.097 | 4.206.903 |
| II. TSCĐ vô hình | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 36.736.819.749 |

* Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành (tại ngày 31/12/2009).

Công ty là công ty cổ phần với 60% vốn nhà nước , còn lại là vốn cổ đông công ty đóng góp.

Biểu số 2.3

| Nguồn hình thành | Nguyên giá | KHCB năm 2009 | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|----------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------|
| 1.Nguồn tự có | 35.426.614.478 | 1.833.221.427 | 20.721.086.852 | 14.705.527.900 |
| 2.Ngân sách nhà nước | 53.139.921.716 | 2.749.832.141 | 31.081.629.872 | 22.058.291.849 |
| 3.Nguồn vốn vay | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 36.763.819.749 |

* Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu (tại ngày 31/12/2009).

Biểu số 2.4

| Loại TSCĐ | Nguyên giá | KHCB cả năm | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|----------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------|
| 1.Tài sản tự có | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 36.763.819.749 |
| 2.Tài sản thuê ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 36.763.819.749 |

2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

Việc tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ một mặt phải dựa vào việc phân nhóm TSCĐ, mặt khác phải căn cứ vào việc tổ chức sản xuất kinh doanh cụ thể của các bộ phận sử dụng TSCĐ. Cụ thể, công tác kế toán chi tiết TSCĐ tại phòng Tài chính kế toán của Công ty bao gồm hệ thống sổ sách theo dõi TSCĐ, sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng, biên bản gia nhận TSCĐ(trường hợp tăng TSCĐ), biên bản thanh lý TSCĐ, thẻ TSCĐ...

2.2.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán tăng TSCĐ hữu hình.

Tháng 4/2009, Công ty đã quyết định mua 1 máy photocopy mới để phục vụ cho công tác tại phòng Hành chính quản trị. Công ty đã mở sổ theo dõi cho TSCĐ mua mới.

Biểu số 2.5

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A- Hoàng Văn Thụ-HB-HP

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm 2009
Loại TS: Thiết bị quản lý(máy văn phòng)

Mẫu số S21-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

| TT | Ghi tăng TSCĐ | | | | | | | Khấu hao TSCĐ | | | Ghi giảm TSCĐ | | |
|----|---------------|------------|--|---------------|---------------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------------|------------|--|---------------|------------|-----------------|
| | Chứng từ | | Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Tháng năm đưa vào sử dụng | Số hiệu TSCĐ | Nguyên giá TSCĐ | Khấu hao | | Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ | Chứng từ | | Lý do giảm TSCĐ |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | | Tỷ lệ (%) KH hoặc số năm sử dụng | Mức K. hao | | Số hiệu | Ngày tháng | |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 | 3 | 4 | I | K | L |
| 16 | 7815 | 12/4 | -Máy photocopy AFICIO MP3391 -Chân kê máy | Nhật Bản | 04/2009 | 18 | 78.227.273 1.570.909 | 5 | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | x | x | x | | | | | | | x | x | x |

- Số này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang
- Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi số)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 2009
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngoài ra việc theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng cũng được đăng ký theo dõi và quản lý chi tiết trên sổ sách.

Biểu số 2.6

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ-HB-HP

SỔ THEO DÕI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2009

Tại đơn vị : Phòng Hành chính quản trị

Đơn vị tính: đồng

| Ghi tăng TSCĐ | | | | | | | Ghi giảm TSCĐ | | | | | Ghi chú |
|---------------|------------|-------------------------------|-------------|----------|------------|------------|---------------|------------|-------|----------|---------|---------|
| Chứng từ | | Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Số tiền | Chứng từ | | Lý do | Số lượng | Số tiền | |
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | | | Số hiệu | Ngày tháng | | | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | E | G | H | 4 | 5 | I |
| 7815 | 12/4 | -Máy photocopy Aficio MP3391 | chiếc | 01 | 78.227.273 | 78.223.273 | | | | | | |
| | | -Chân kê máy | chiếc | 01 | 1.570.909 | 1.570.909 | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ.....

Ngày 15 tháng 4 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sự biến động TSCĐ được phản ánh trên các tài khoản sau:

+ TK 211: TSCĐ hữu hình

+ TK 214: Hao mòn TSCĐ

Đối với trường hợp tăng TSCĐ, công ty đều tiến hành lập biên bản nghiệm thu, kiêm nhận TSCĐ, đồng thời cùng với bên giao TSCĐ lập “Biên bản giao nhận TSCĐ”(Biểu 2.6) cho từng loại TSCĐ. Để hạch toán TSCĐ theo từng địa điểm sử dụng, công dụng, sau khi tiếp nhận đầy đủ TSCĐ kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TSCĐ.

Biểu số 2.7

Công ty Vietrans Hải Phòng
Phòng HCQT

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày 15/04/2009

Số : 02

Nợ : TK211: 79.798.182

Có : TK112: 79.798.182

Căn cứ quyết định số 30/QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Tổng Giám đốc Công ty về việc bàn giao TSCĐ.

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông: Bùi Xuân Quyền Chức vụ: Giám đốc công ty - Đại diện bên giao
- Ông: Phạm Thanh Minh Chức vụ: Giám đốc công ty -Đại diện bên nhận
- Bà: Nguyễn Thanh Mai Chức vụ: Nhân viên phòng HCQT - Người trực tiếp quản lý, sử dụng
- Địa điểm giao nhận TSCĐ: Phòng hành chính quản trị

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Tên ký hiệu, quy cách TSCĐ | Số hiệu TSCĐ | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | Công suất (diện tích thiết kế) | Tính nguyên giá TSCĐ | | | | | Tài liệu KT kèm theo |
|----|-----------------------------|--------------|---------------|--------------|---------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|------------------|-----|------------|--------------------------|
| | | | | | | | Giá mua (ZSX) | Chi phí vận chuyển | Chi phí chạy thử | ... | ... | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | E |
| 01 | Máy Photocopy Aficio MP3391 | 18 | Nhật Bản | 2008 | 2009 | | | | | | 78.227.273 | Hồ sơ hướng dẫn sử dụng. |
| | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | X | X | X | X | X | | | | | | X |

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO.

| STT | Tên, quy cách, dụng cụ , phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
|-----|-----------------------------------|-------------|----------|-----------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| 02 | Chân kê máy | Chiếc | 01 | 1.570.909 |
| | | | | |

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Người giao
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ-HB-HP

Mẫu số S23-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 /QĐBTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 36

Ngày 15 tháng 4 năm 2009

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 02 ngày 15 tháng 4 năm 2009

Tên, ký mã hiệu, quy cách TSCĐ: Máy photocopy AFICIO MP 3391

Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất 2008

Bộ phận quản lý, sử dụng : Phòng HCQT - Năm đưa vào sử dụng 2009

Cung suất (diện tích thiết kế) :

| Số hiệu chứng từ | Nguyên giá TSCĐ | | | Giá trị hao mòn TSCĐ | | |
|------------------|-----------------|-----------------------|------------|----------------------|-----------------|----------|
| | Ngày tháng, năm | Diễn giải | Nguyên giá | Năm | Giá trị hao mòn | Cộng dồn |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 19 | 15/4/2009 | Mua mới máy photocopy | 78.227.273 | | | |
| | | | | | | |

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

| STT | Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
|-----|---------------------------------|-------------|----------|-----------|
| 02 | Chân kê máy | Chiếc | 01 | 1.570.909 |
| | | | | |

Ngày 15 tháng 4 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Chứng từ và thủ tục kế toán giảm TSCĐ hữu hình.

Đối với trường hợp giảm TSCĐ công ty lập biên bản thanh lý TSCĐ hoặc biên bản bàn giao TSCĐ. Việc thanh lý dựa trên quyết định của Hội đồng thanh lý TSCĐ. Kế toán căn cứ vào chứng từ, ghi giảm TSCĐ phản ánh chi tiết vào sổ theo dõi TSCĐ.

Tháng 6 năm 2009, Công ty đã thanh lý một xe ô tô:

Biểu số 2.9

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ - HB -HP

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 28 tháng 6 năm 2009

Số: 06

Căn cứ quyết định số 06/QĐ ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Giám đốc Công ty về việc nhượng bán TSCĐ:

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông **Trần Mạnh Tiến** - Chức vụ: Phó giám đốc Đại diện Công ty- Trưởng ban
- Ông **Trần Hoàng Hải** - Chức vụ: Trưởng phòng HCQT - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách TSCĐ: Xe ô tô Toyota
- Số hiệu TSCĐ: 15
- Nước sản xuất : Nhật Bản
- Năm đưa vào sử dụng : 2003 Số thẻ TSCĐ: 48
- Nguyên giá TSCĐ : 420.000.000 đ
- Giá trị hao mòn đã tính đến thời điểm thanh lý : 403.200.000
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 16.800.000

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Thống nhất ý kiến bán thanh lý xe ô tô. Đề nghị các bộ phận liên quan tiến hành các thủ tục cần thiết để bán xe.

Ngày 28 tháng 6 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý : 2.000.000đ (viết bằng chữ) Hai triệu đồng chẵn.
- Giá trị thu hồi : 30.000.000đ(viết bằng chữ) Ba mươi triệu đồng chẵn.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2009

Ngày 28 tháng 6 năm 2009

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10

Công ty Vietrans Hải Phòng

Mẫu số S23-DN

Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 48

(Ngày 02 tháng 01 năm 2003 lập thẻ)

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ số 06 ngày 28 tháng 6 năm 2009

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ xe Toyota Số hiệu TSCĐ 15

Nước sản xuất : Nhật Bản Năm sản xuất 2002

Bộ phận quản lý, sử dụng phòng HCQT Năm đưa vào sử dụng 2003

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2009

Lý do đình chỉ: Nhượng bán

| Số hiệu chứng từ | Nguyên giá TSCĐ | | | Giá trị hao mòn TSCĐ | | |
|------------------|-----------------|-----------------|-------------|----------------------|-----------------|------------|
| | Ngày, tháng năm | Diễn giải | Nguyên giá | Năm | Giá trị hao mòn | Cộng dồn |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 05 | 02/01/2003 | Mua xe ô tô mới | 420.000.000 | 2009 | 403.200.000 | 16.800.000 |
| | | | | | | |

DỤNG CỤ KÈM THEO

| STT | Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
|-----|---------------------------------|-------------|----------|-----------|
| 1 | Bộ kích | Bộ | 01 | 1.200.000 |
| | | | | |

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số 03 NB ngày 28 tháng 6 năm 2009

Lý do giảm : Nhượng bán

Ngày 28 tháng 6 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đối với những TSCĐ mới tăng trong năm nay thì kế toán căn cứ vào hóa đơn chứng từ liên quan để ghi thêm 1 dòng vào trong sổ. Tất cả các trường hợp tăng TSCĐ thì kế toán TSCĐ đều lập thẻ TSCĐ.

Đối với những TSCĐ mới giảm trong năm nay thì kế toán thôi không ghi vào sổ chi tiết TSCĐ của năm nay.

Đối với hao mòn TSCĐ kế toán căn cứ vào trích khấu hao của từng quý để tổng hợp và tính ra số khấu hao của cả năm. Sau đó ghi vào sổ ở cột tổng số và phân ra từng nguồn hình thành.

Đối với cột giá trị đầu năm của TSCĐ, kế toán căn cứ vào số liệu cột giá trị còn lại cuối năm trên sổ năm trước để ghi vào cột giá trị còn lại vào số liệu số năm nay theo từng phần tương ứng.

Đối với cột giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ, kế toán căn cứ vào số liệu tương ứng trong cột giá trị còn lại đầu năm trừ đi giá trị hao mòn của cả năm để lấy kết quả ghi vào cột giá trị còn lại của TSCĐ ở cuối năm, kết quả này được tách riêng theo từng nguồn hình thành TSCĐ.

Biểu số 2.11

Công ty Vietrans Hải Phòng

Số 5A- Hoàng Văn Thụ-HB-HP

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009

| Số TT | Tên, loại tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Nguyên giá TSCĐ | Số năm sử dụng | Mức khấu hao BQ/năm | Ngày đưa vào sử dụng | Số khấu hao lũy kế đã trích | Giá trị còn lại |
|-------|-----------------------|-------------|----------|-----------------------|----------------|----------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------|
| ... | | | | | | | | | |
| 32 | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 01 | 10.628.000 | 5 | 2.125.608 | 12/2/2006 | 6.421.097 | 4.206.903 |
| .. | ... | | | | | | | | |
| 40 | Máy vi tính sony VAIO | Chiếc | 01 | 24.464.400 | 3 | 8.154.804 | 18/10/2008 | 9.513.938 | 14.950.462 |
| 41 | Máy photocopy | Chiếc | 01 | 79.798.182 | 5 | 15.959.636 | 16/4/2009 | 10.639.758 | 69.158.424 |
| ... | | | | | | | | | |
| | Cộng | | | 88.566.536.194 | | 4.583.053.568 | | 51.802.716.454 | 36.763.819.749 |

Người lập
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán tổng hợp tài sản cố định hữu hình

2.2.3.1. Kế toán biến động tăng tài sản cố định hữu hình

Thực tế trong thời gian qua, việc tăng TSCĐ hữu hình tại Công ty phần lớn do tự mua sắm theo nhu cầu thực tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh vì phần lớn hệ thống văn phòng, kho bãi, TSCĐ có giá trị lớn đều được đưa vào sử dụng từ trước và vẫn đang trong thời gian khai thác. Việc mua sắm thường xuyên ở các bộ phận nhằm thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu để đáp ứng tốt hơn cho công việc kinh doanh của Công ty như hệ thống máy tính, máy photocopy, phương tiện vận tải...

Các biến động tăng TSCĐ hữu hình đều được bộ phận kế toán TSCĐ theo dõi hạch toán kịp thời. Việc mua 1 TSCĐ mới là máy Photocopy dùng cho phòng hành chính quản trị nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về in ấn văn bản cho công ty. Căn cứ để kế toán ghi sổ việc mua sắm máy Photocopy đó là:

- + Quyết định của GD Công ty về việc sắm mới TSCĐ
- + Bản báo giá của nhà cung cấp trên thị trường
- + Ký hợp đồng cung cấp
- + Biên bản nghiệm thu TSCĐ
- + Biên bản thanh lý hợp đồng
- + Hóa đơn bán hàng

Từ việc đối chiếu, xem xét cụ thể các giấy tờ, chứng từ liên quan, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung và Sổ cái của TSCĐ mới mua sắm.

Dưới đây là bản trích Hợp đồng mua mới máy Photocopy Aficio Mp3391 của phòng Hành chính quản trị.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: HĐKT- MBG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005
- Căn cứ Bộ luật dân sự và Luật thương mại Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2006.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 2 bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 4 năm 2009 chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng.

Địa chỉ : 5A Hoàng Văn Thụ

Điện thoại: 0313.842421 Fax :

Tài khoản: 0031000000829

Mở tại ngân hàng: ngân hàng Ngoại Thương Hải Phòng

Mã số thuế : 0200128737

Do ông: Phạm Thanh Minh Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Bên B: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Đa Phúc

Địa chỉ: Số 81 Cát Cụt- Lê Chân- Hải Phòng

Điện thoại: 0313 630536 Fax : 0313511519

Tài khoản: 102010000752211

Mở tại ngân hàng: Thương mại cổ phần công thương Việt Nam- Chi nhánh Lê Chân

Mã số thuế: 0200720044

Do ông: Bùi Xuân Quyền - Chức vụ giám đốc làm đại diện

Sau khi thỏa thuận về nghĩa vụ và quyền lợi của mình, 2 bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng.

Bên B nhận cung cấp cho bên A máy photocopy theo chủng loại, số lượng và đơn giá cụ thể như sau:

| STT | Tên hàng - Quy cách chất lượng | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------|----------|------------|-------------------|
| 1 | Máy Aficio MP3391 (Kỹ thuật số: Copy, In mạng): Điều khiển bằng màn hình cảm ứng | Chiếc | 01 | 86,050,000 | 86,050,000 |
| 2 | Chân kê máy | Chiếc | 01 | 1,728,000 | 1,728,000 |
| | Tổng cộng | | | | 87,778,000 |
| | Bằng chữ : Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng. | | | | |

Các yêu cầu về sản phẩm : Máy móc khi giao đảm bảo mới 100%, đúng chủng loại, nhãn mác rõ ràng đầy đủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất.

Điều II: Giá cả và phương thức thanh toán

- Giá cả : Tổng giá trị hợp đồng : 87,778,000 VNĐ

(Bằng chữ : Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng.)

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%.

1. Phương thức thanh toán : Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Thời hạn thanh toán :

.....
.....

Đại diện bên A

Giám đốc

Phạm Thanh Minh

Đại diện Bên B

Giám đốc

Bùi Xuân Quyền

Biểu số 2.12

| <p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao cho khách hàng Ngày 16 tháng 4 năm 2009</p> | <p>Mẫu số : 01 GTKT-3LL GN/2008B 52109</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|--|---------------------|----------------|------------|---------|------------|---|---|---|---|---|----------|---|---------------|-------|----|------------|------------|---|-------------|-------|----|-----------|-----------|----------------|--|--|--|--|------------|--|--|--|--|--|-----------|---------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|--|--|--|--|
| <p>Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đa Phúc Địa chỉ: số 81 Cát Cụt- Lê Chân- Hải Phòng Số tài khoản :</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>Điện thoại :MS <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table></p> | | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | 5 | 3 | 3 | 6 | 8 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 0 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 0 | 0 | 2 | 5 | 3 | 3 | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>Họ tên người mua hàng: Phạm Hải Hà Đơn vị: Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng Địa chỉ : 5A Hoàng Văn Thụ – Hải Phòng Số tài khoản:</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>Hình thức thanh toán: TM. MS <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table></p> | | 0 | 2 | 0 | 0 | 1 | 2 | 8 | 7 | 3 | 7 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 0 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 0 | 0 | 1 | 2 | 8 | 7 | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Tên vật tư hàng hóa</th> <th style="width: 15%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 5%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3= 1 x 2</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Máy photocopy</td> <td>Chiếc</td> <td>01</td> <td>78.227.273</td> <td>78.227.273</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Chân kê máy</td> <td>Chiếc</td> <td>01</td> <td>1.570.909</td> <td>1.570.909</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng</td> <td>79.798.182</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Thuế suất thuế GTGT : 10%. Tiền thuế GTGT:</td> <td>7.979.818</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td>87.778.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ : Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng.</td> </tr> </tbody> </table> | | STT | Tên vật tư hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 x 2 | 1 | Máy photocopy | Chiếc | 01 | 78.227.273 | 78.227.273 | 2 | Chân kê máy | Chiếc | 01 | 1.570.909 | 1.570.909 | Cộng tiền hàng | | | | | 79.798.182 | Thuế suất thuế GTGT : 10%. Tiền thuế GTGT: | | | | | 7.979.818 | Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 87.778.000 | Số tiền viết bằng chữ : Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng. | | | | | |
| STT | Tên vật tư hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 x 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Máy photocopy | Chiếc | 01 | 78.227.273 | 78.227.273 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chân kê máy | Chiếc | 01 | 1.570.909 | 1.570.909 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cộng tiền hàng | | | | | 79.798.182 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thuế suất thuế GTGT : 10%. Tiền thuế GTGT: | | | | | 7.979.818 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 87.778.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Số tiền viết bằng chữ : Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | <p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | <p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Từ giấy tờ, chứng từ, hóa đơn về việc mua máy photocopy , kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung và sổ cái:

Biểu số 2.13

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB - HP

Mẫu số 03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2009

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------------|-----------------------------------|---------------|----------|-------------------|-------------------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | Số liệu trang trước chuyển sang | | | | | |
| 2/4 | 01PT | 1/4 | Thu tiền hàng nợ ... | | | 111 131 | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 6/4 | 03PC | 5/4 | Thanh toán tiền mua hàng | | | 331 112 | 75.000.000 | 75.000.000 |
| 17/4 | 7815 | 16/4 | Trả tiền mua máy Photocopy | | | 211 133 112 | 79.798.182 7.979.818 | 87.778.000 |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ.....

Ngày.... Tháng năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

Mẫu số 03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------------|--|---------------|----------|---------------|---|-------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | -Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | 89.386.767.050 | |
| 17/4 | 7815 | 16/4 | ... Mua máy Photocopy | | | 112 | 79.798.182 | |
| 20/4 | 3925 | 19/4 | Mua máy vi tính Sony | | | 112 | 22.240.000 | |
| 24/4 | 3972 | 22/4 | Mua xe tải 3,5T | | | 112 | 180.000.000 | |
| 28/4 | 06/TL | 27/4 | Bán thanh lý xe nâng | | | 214 | | 10.500.000 |
| ... | | | | | | ... | ... | |
| | | | -Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý | | | | 350.050.000 89.631.717.050 | 105.100.000 |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ 01 tháng 01 năm 2009

Ngày.... Tháng năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

Mẫu số 03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------------|--|---------------|----------|---------------|--|-------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | -Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | 10.400.887.508 | |
| 11/4 | 150 | 10/4 | K/hàng trả tiền | | | 131 | 517.500.000 | |
| 17/4 | 7815 | 16/4 | Mua máy photocopy | | | 211 | | 79.798.182 |
| 20/4 | 3925 | 19/4 | Mua máy vi tính Sony | | | 211 | | 22.240.000 |
| 24/4 | 3972 | 22/4 | Mua xe tải 3,5T | | | 211 | | 180.000.000 |
| 30/4 | 171 | 29/4 | Rút TGNH nhập quỹ | | | 111 | | 11.500.000 |
| ... | | | | | | ... | ... | |
| | | | -Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý | | | | 2.156.230.000 12.253.579.320 | 303.538.182 |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ 01 tháng 01 năm 2009

Ngày.... Tháng năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Kế toán giảm tài sản cố định hữu hình.

TSCĐ tại Công ty giảm chủ yếu do thanh lý, nhượng bán những tài sản cũ, lạc hậu hoặc do không còn phù hợp trong quá trình sử dụng cho hoạt động của Công ty.

Khi muốn thanh lý, nhượng bán TSCĐ Công ty căn cứ vào tình hình thực tế, Giám đốc Công ty sẽ ra quyết định về việc thanh lý, nhượng bán tài sản và lập biên bản đánh giá lại tài sản, kế toán căn cứ quyết định của giám đốc và biên bản của Hội đồng đánh giá lại tài sản phối hợp cùng các bộ phận liên quan tiến hành bàn giao sản phẩm thanh lý nhượng bán, lập hóa đơn bán hàng, thực hiện các nghiệp vụ kế toán giảm TSCĐ trên sổ sách.

Thời gian do nhu cầu sử dụng của Công ty, Công ty đã quyết định nhượng bán 1 xe ô tô 4 chỗ ngồi Toyota. Sau khi có quyết định nhượng bán của Giám đốc, Công ty thành lập Hội đồng đánh giá lại tài sản(biểu 2.15).

Biểu số 2.16

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

Ngày 25 tháng 6 năm 2009

Số 08:

- Căn cứ vào Quyết định số 06/QĐ ngày 20/6/2009 của Giám đốc Công ty về việc bán TS

- Hôm nay, ngày 25 /6/2009 , Hội đồng đánh giá lại tài sản gồm:

- + Ông Phạm Đình Ngoan - Phó giám đốc Công ty - Chủ tịch Hội đồng
- + Ông Trần Hoàng Hải - Trưởng phòng HCQT - ủy viên
- + Bà Đỗ Thị Hồng Điệp - Trưởng phòng KTTC - ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

| STT | Tên, ký mã hiệu TSCĐ | Số hiệu TSCĐ | Số thẻ TSCĐ | Giá trị đang ghi sổ | | | Giá trị còn lại theo đánh giá lại | Chênh lệch | |
|-----|----------------------|--------------|-------------|---------------------|--------------|-----------------|-----------------------------------|------------|------|
| | | | | Nguyên giá | Hao mòn | Giá trị còn lại | | Tăng | Giảm |
| 1 | Xe ô tô TOYOTA | 02 | 48 | 420 | 403,2 | 16,8 | 16,8 | | |
| | Cộng | | | 420 | 403,2 | 16,8 | 16,8 | | |

Kết luận: Hội đồng đánh giá lại tài sản thống nhất ý kiến đánh giá về giá trị còn lại của tài sản xe ô tô Toyota là 16.800.000 đồng. Sau khi đã có sự xem xét về tài liệu, số liệu thực tế và tư vấn của chuyên gia.

Người lập biên bản

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng

Biểu số 2.17

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2 : Giao cho khách hàng
Ngày 28 tháng 6 năm 2009

Mẫu số : 01 GTKT-3LL
GN/2008B
52109

Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng

Địa chỉ: 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

Số tài khoản :

Điện thoại :MS

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 1 | 2 | 8 | 7 | 3 | 7 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

Họ tên người mua hàng: Lê Nam Khánh

Đơn vị:

Địa chỉ : số 30 Hoàng Diệu – Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM. MS

| | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| STT | Tên vật tư hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|--------------------------------------|----------------|----------|------------|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 x 2 |
| 1 | Xe ô tô Toyota 4 chỗ BKS 16H-1331 | Chiếc | 01 | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 30.000.000 |
| Thuế suất thuế GTGT : 10%. Tiền thuế GTGT: | | | | | 3.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 33.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi ba triệu đồng. | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào việc thanh lý nhượng bán, từ các hóa đơn chứng từ kế toán ghi giảm TSCĐ của Công ty:

+ Bút toán ghi giảm nguyên giá TSCĐ :

Nợ TK 214 : 403.200.000

Nợ TK 811 : 16.800.000

Có TK 211 : 420.000.000

+ Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý:

Nợ TK 811 : 2.000.000

Nợ TK 133: 200.000

Có TK 111: 2.200.000

+ Đồng thời phản ánh thu nhập do nhượng bán:

Nợ TK 111: 33.000.000

Có TK 711: 30.000.000

Có TK 333: 3.000.000

Kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái như sau:

Biểu số 2.18

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB- HP

Mẫu số 03 a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2009

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TKĐƯ | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------------|--------------------------------------|---------------|----------|-------------------|------------------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | |
| 10/6 | 02C | 9/6 | ... Chuyển khoản trả nợ người bán | | | 331 112 | 15.000.000 | 15.000.000 |
| 29/6 | 15B | 28/6 | ... Bán xe ô tô Toyota | | | 214 811 211 | 403.200.000 16.800.000 | 420.000.000 |
| | | | Chi phí thanh lý | | | 811 133 111 | 2.000.000 200.000 | 2.200.000 |
| | | | Thu nhập do nhượng bán | | | 111 711 333 | 33.000.000 | 30.000.000 3.000.000 |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | | |

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ.....

Ngày....tháng....năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB – HP

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: tài sản cố định hữu hình

Số hiệu : 211

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------------|---|---------------|----------|--------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | 89.386.767.050 | |
| | | | ... | | | | | |
| 18/6 | 3981 | 16/6 | Mua máy điều hòa | | | 112 | 10.000.000 | |
| 29/6 | 03NB | 28/6 | Bán xe ô tô Toyota 16H-1331 | | | 214 811 | | 403.200.000 16.800.000 |
| | | | | | | | | |
| | | | -Cộng số PS tháng -Số dư cuối tháng -Cộng lũy kế từ đầu quý | | | | 750.000.000 89.961.717.050 | 420.000.000 |

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ.....

Ngày..... Tháng năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.20

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A Hoàng Văn Thụ- HB – HP

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Hao mòn tài sản cố định

Số hiệu : 214

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|-------------------|----------|------|---|---------------|----------|--------------------|--------------|-----------------------|
| | SH | NT | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | | 51.932.895.201 |
| | | | ... | | | | | |
| 2/5 | 7815 | 16/4 | Khấu hao máy photocopy | | | 642 | | 10.639.758 |
| 29/6 | 03NB | 28/6 | Bán xe ô tô Toyota 16H-1331 | | | | 403.200.000 | |
| | | | | | | | | |
| | | | -Cộng số PS tháng -Số dư cuối tháng -Cộng lũy kế từ đầu quý | | | | 852.203.000 | 51.138.923.466 |

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ.....

Ngày.... Tháng Năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.4. HẠCH TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn vô hình và hữu hình về giá trị. Do đó, để đảm bảo việc thu hồi vốn phải trích khấu hao cơ bản TSCĐ. Phương pháp trích khấu hao TSCĐ là một nghiệp vụ quan trọng trong hạch toán TSCĐ, việc trích khấu hao chính xác sẽ đảm bảo được khả năng thu hồi vốn đầu tư, thay thế TSCĐ cũ, lạc hậu. Để đảm bảo việc trích khấu hao được đúng phải xác định đúng các nhân tố ảnh hưởng như: Nguyên giá TSCĐ, chi phí thanh lý ước tính, thời gian sử dụng, giá trị còn lại của TSCĐ, tỷ lệ khấu hao đã sử dụng...

Hiện nay, tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng, kế toán tính và trích khấu hao theo từng tháng và tổng hợp vào cuối năm. Công thức tính khấu hao như sau:

Mức khấu hao được tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao Hàng năm} = \Sigma \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{số năm sử dụng}}$$

Mức khấu hao hàng tháng tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao hàng tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao hàng năm}}{12 \text{ tháng}}$$

Hàng tháng, căn cứ vào mức trích khấu hao cơ bản đã xác định, kế toán tiến hành định khoản phân bổ cho các đối tượng sử dụng cụ thể:

+ Về nhà cửa, văn phòng Công ty, phương tiện, TSCĐ phục vụ tại khối quản lý văn phòng: phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)

+ Về phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà xưởng, kho bãi, nhà cửa văn phòng phục vụ khối giao nhận vận tải, kinh doanh kho tàng: phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)

Biểu số 2.21

CHI TIẾT TSCĐ TRÍCH KHẤU HAO NĂM 2009

| Loại TS | Bộ phận sử dụng | Nguyên giá TSCĐ | KHCB cả năm 2009 | KHCB cộng dồn | TK ghi nợ | |
|--------------------------|-----------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | | | | | TK 642 | TK 154 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | Khối quản lý | 5.837.521.666 | 131.200.392 | 3.042.902.116 | 3.042.902.116 | |
| | Khối GNVN, KDKH | 73.773.807.139 | 3.541.311.553 | 44.725.913.666 | | 44.725.913.666 |
| Phương tiện vận tải | Khối quản lý | 1.725.993.000 | 194.249.124 | 960.911.413 | 960.911.413 | |
| | Khối GNVN, KDKH | 6.552.123.807 | 577.612.451 | 2.882.439.466 | | 2.882.439.466 |
| Máy móc, thiết bị | Khối GNVN, KDKH | 562.200.000 | 112.440.000 | 163.975.000 | | 163.975.000 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | Khối quản lý | 104.262.582 | 24.114.440 | 20.153.696 | 20.153.696 | |
| Tài sản cố định khác | Khối quản lý | 10.628.000 | 2.125.608 | 6.421.097 | 6.421.097 | |
| Cộng | | 88.566.536.194 | 4.583.053.568 | 51.802.716.454 | 4.030.388.322 | 47.772.328.132 |

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 642 : 4.030.388.322

Nợ TK 154 : 47.772.328.132

Có TK 214 : 51.802.716.454

2.5. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN HỮU HÌNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

Đối với Công ty, do số lượng và giá trị TSCĐ tương đối lớn nên việc sửa chữa, nâng cấp TSCĐ đều được lên kế hoạch cụ thể, chi tiết. Hàng tháng, hàng quý Phòng quản lý xây dựng cơ bản phối hợp với các đơn vị trực tiếp sử dụng TSCĐ kiểm tra, xác định tình trạng của TSCĐ, từ đó lập kế hoạch trình ban Giám đốc về việc sửa chữa TSCĐ.

Kế toán hạch toán TSCĐ căn cứ vào quyết định của Giám đốc về việc sửa chữa TSCĐ, hóa đơn chứng từ về sửa chữa TSCĐ...thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ và hạch toán vào sổ sách.

+ Đối với các TSCĐ sửa chữa thường xuyên nhỏ và vừa được phản ánh trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 642,154

Có TK 152,111,112,331...

+ Đối với các chi phí sửa chữa lớn TSCĐ của công ty được phản ánh theo thực tế số phát sinh. Trong tháng 2/2009, công ty đã tiến hành sửa chữa lớn một nhà kho,tổng hợp các chi phí phát sinh cho việc sửa chữa là 35.000.000đ

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 241(2): 35.000.000

Có TK 111: 35.000.000

+ Đối với các chi phí sửa chữa lớn và nâng cấp TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh và giá trị TSCĐ sau khi nâng cấp để hạch toán. Trong tháng 3/2009, công ty đã sửa chữa lớn, nâng cấp, thay thế tổng thành xe nâng Container Kalmar với chi phí là 170.000.000VNĐ, chưa bao gồm thuế GTGT

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 241(3): 170.000.000

Nợ TK 133 : 17.000.000

Có TK 112: 187.000.000

Ghi tăng nguyên giá TSCĐ

Nợ TK 211: 187.000.000

Có TK 241(3):187.000.000

2.6. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

2.6.1. Phân tích cơ cấu tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

Biểu số 2.22

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

ĐVT: Đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Tỷ trọng % | | Chênh lệch | |
|---------------------------|----------------|----------------|------------|-------|--------------|-------|
| | | | 2008 | 2009 | Giá trị | % |
| Nguyên giá Trong đó TS | 89.386.767.050 | 88.566.536.194 | 100 | 100 | -900.029.040 | 0 |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 78.940.576.760 | 79.611.328.805 | 88,31 | 89,89 | +670.752.045 | +1,58 |
| Phương tiện vận tải | 9.267.470.290 | 8.278.116.807 | 10,36 | 9,34 | -989.353.483 | -1,02 |
| Máy móc, thiết bị | 1.123.200.000 | 562.200.000 | 1,25 | 0,63 | -561.000.000 | -0,62 |
| Thiết bị dụng cụ q.ly | 24.464.400 | 104.262.582 | 0,03 | 0,12 | +79.798.182 | +0.09 |
| TSCĐ khác | 55.520.000 | 10.628.000 | 0,05 | 0,02 | -44.892.000 | -0,03 |

Số liệu bảng trên cho ta kết cấu TSCĐ của Công ty qua 2 năm 2008 - 2009. Nhìn chung, kết cấu TSCĐ của Công ty là khá hợp lý và phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của Công ty. Mặc dù không phải là ngành sản xuất nhưng ngành dịch vụ Công ty đang hoạt động lại liên quan chặt chẽ và mật thiết đến TSCĐ vì là dịch vụ cho thuê bến bãi và vận tải. Do đó nhà cửa và kiến trúc chiếm tỷ trọng lớn nhất ở cả 2 năm là điều hợp lý.. Năm 2009 tỷ trọng của nhà cửa và kiến trúc tăng so với năm 2008 là 1,58 % . Nguyên nhân của sự thay đổi này là năm 2009 Công ty đầu tư xây mới hơn 2000 m2 kho và nhà trông xe ô tô tại kho 3 Lạc Viên mang lại hiệu quả kinh

tế cao..Thiết bị, dụng cụ quản lý cũng được Công ty chú ý, đầu tư mới khiến tỷ trọng tăng 0,09%. Tuy tăng không đáng kể nhưng kết quả cho thấy Công ty đã và đang tiếp tục trang bị mới TS nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Năm 2009, ngoài việc xây mới nhà kho, Công ty chủ yếu tiến hành từng bước đổi mới tài sản cố định. Được thành lập từ những năm 1970, trải qua nhiều năm hoạt động, tài sản hỏng hóc nhiều, Ban lãnh đạo Công ty quyết định thanh lý, nhượng bán nhiều tài sản như ô tô, điều hòa...Đó là lý do khiến giá trị TSCĐ của Công ty sụt giảm nhiều trong năm 2009. Công ty đã đề ra phương hướng từng bước trang bị thêm TSCĐ trong các năm tới.

Xem xét về hiệu quả của hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2008 thì vẫn đạt tỷ lệ tăng về doanh thu và lãi ròng, tuy nhiên Công ty cần quan tâm hơn đến việc đầu tư mới TSCĐ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh hơn nữa.

Tóm lại, tình hình biến động về kết cấu TSCĐ của Công ty qua 2 năm về cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên để kết cấu này đạt hiệu quả và mang lại kết quả kinh doanh cao cho Công ty thì cần phải thay đổi 1 số tỷ trọng của 1 số loại TSCĐ cho phù hợp với điều kiện của Công ty nói riêng và của ngành nghề kinh doanh mà Công ty đang hoạt động nói chung.

2.6.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty.

Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định

*** Hiệu suất sử dụng TSCĐ**

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh Thu thuần trong kỳ}}{\text{NG TSCĐ bình quân}}$$

Trong đó:

- TSCĐ bình quân = 1/2 (Giá trị TSCĐ đầu kỳ + Giá trị TSCĐ ở cuối kỳ).

*** Lợi nhuận ròng trên TSCĐ**

$$\text{Lợi nhuận ròng trên TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{NG TSCĐ bình quân}}$$

Trong đó:

-Lợi nhuận ròng là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ sau khi trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp.

*** Hiệu suất tiêu hao TSCĐ**

$$\text{Hiệu suất tiêu hao TSCĐ} = \frac{\text{NG TSCĐ bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

*** Hiệu suất sử dụng TSCĐ tính theo khấu hao**

$$\text{Năng suất sử dụng mức khấu hao TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng mức KH TSCĐ trong kỳ}}$$

Biểu số 2.23

BẢNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

ĐVT: Đồng

| TT | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Chênh lệch | |
|----|---------------------------------|----------------|----------------|----------------|-------|
| | | | | + - | % |
| 1 | Nguyên giá b.quân TSCĐ | 87.616.261.826 | 88.976.651.622 | +1.360.389.797 | 1,55 |
| 2 | Doanh thu thuần | 41.747.119.884 | 47.026.789.565 | +5.279.669.681 | 12,65 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 6.525.788.179 | 8.188.704.739 | +1.662.916.560 | 25,48 |
| 4 | Lợi nhuận ròng | 4.932.215.384 | 6.755.681.410 | +1.823.466.026 | 36,97 |
| 5 | Tổng mức khấu hao | 50.784.945.520 | 51.802.716.454 | +1.017.770.934 | 2 |
| 6 | Hiệu suất sử dụng TSCĐ | 0,47 | 0,53 | +0,06 | 12,76 |
| 7 | Lợi nhuận ròng trên TSCĐ | 0,06 | 0,08 | +0,02 | 33,33 |
| 8 | Suất tiêu hao TSCĐ | 2,1 | 1,9 | -0,2 | 9,52 |
| 9 | Tỷ suất LN tính theo mức KHTSCĐ | 0,82 | 0,91 | +0,09 | 10,97 |

Qua bảng trên ta thấy năm 2008 so với năm 2009

Hiệu suất sử dụng của tài sản cố định là thước đo khả năng sản xuất tài sản cố định được đầu tư hàng năm của công ty. Năm 2008 công ty đầu tư 1 đồng nguyên giá tài sản cố định bình quân thì sẽ tạo ra được 0,47 đ doanh thu thì với 1 đ nguyên giá tài sản cố định bình quân năm 2009 công ty thu được 0,53 đ doanh thu. Như vậy so với năm 2008 năm 2009 một đồng tài sản cố định có khả năng sản xuất thêm 0,06 đồng doanh thu.

Lợi nhuận ròng trên TSCĐ cho biết một đồng nguyên giá TSCĐ sử dụng trong kỳ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng. Mức tăng không đáng kể 0,02đ cho thấy khả năng tạo lợi nhuận của TSCĐ tương đối thấp. Điều này chứng tỏ mặc dù Công ty chưa sử dụng TSCĐ có hiệu quả lắm nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có hiệu quả tốt. Vì thế trong những năm tới nếu Công ty tìm được hướng giải quyết tốt cho hiệu quả sử dụng TSCĐ thì kết quả kinh doanh của Công ty sẽ còn tăng hơn nữa.

Suất hao phí của tài sản cố định cho biết để tạo ra một đồng yếu tố đầu ra (tổng doanh thu) có bao nhiêu đồng nguyên giá tài sản cố định bình quân mà công ty đã đầu tư, điều này cũng có ý nghĩa là muốn tạo ra một đồng yếu tố đầu ra thì phải có bao nhiêu đồng nguyên giá tài sản cố định bình quân năm 2009 công ty bỏ ra 1,9đ tiết kiệm được 0.2 đ so với năm 2008. Để tạo ra một đồng doanh thu điều này cho thấy công ty đã giảm được hao phí tài sản cố định trong quá trình tạo ra doanh thu.

Nói tóm lại, khi nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về quản lý cũng như sử dụng TSCĐ trong Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng ta có thể thấy mặc dù đã có sự đầu tư cho TSCĐ nhưng các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng TSCĐ lại giảm trong những năm gần đây. Điều này đặt ra cho Công ty cần tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục để quản lý và sử dụng TSCĐ tại Công ty có hiệu quả hơn trong những năm tới.

Tỷ suất lợi nhuận tính theo mức khấu hao TSCĐ cũng tăng nhẹ, tuy không đáng kể chỉ tăng 0,09% cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao hơn năm trước do mức khấu hao TSCĐ tăng không lớn..

PHẦN 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

3.1. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

3.1.1. Kết quả mà công ty đạt được.

Tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng TSCĐ ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng phục vụ khách hàng, do đó tác động đến lợi nhuận, đến tình hình tài chính doanh nghiệp. Trong thời gian qua việc quản lý, sử dụng TSCĐ ở Công ty đạt được một số kết quả sau:

- Nhờ việc áp dụng phương pháp phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế, theo hình thái biểu hiện mà Công ty có thể nắm rõ được thực trạng đầu tư và sử dụng các hạng mục theo kế hoạch, tránh sử dụng lãng phí và không đúng mục đích.

- Trong quá trình sử dụng TSCĐ, Công ty tích cực tìm nguồn tài trợ dài hạn, làm cho cơ cấu vốn dài hạn được ổn định dần.

- Hiện nay, Công ty đang đi đúng hướng trong việc thường xuyên theo dõi và nâng cấp, sửa chữa lại các TSCĐ bị hỏng hóc xuống cấp, đồng thời cũng đã quan tâm đầu tư mua sắm một số TSCĐ mới phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh.

- Hàng năm Công ty vẫn thường xuyên đánh giá lại TSCĐ nhằm xác định chính xác nguyên giá của TSCĐ, trên cơ sở đó tính chính xác hơn mức khấu hao và hao mòn lũy kế của TSCĐ để có kế hoạch sử dụng hợp lý cũng như tiến hành thanh lý những TSCĐ đã hết giá trị khấu hao.

3.1.2. Hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được ở trên, việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty còn gặp một số hạn chế sau:

- Trong kết cấu TSCĐ của Công ty mặc dù tỷ trọng nhóm tài sản nhà cửa và kiến trúc khá cân đối và phù hợp nhưng tỷ trọng về phương tiện vận tải và máy móc thiết bị vẫn chưa cao. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu ở bộ phận quản lý TSCĐ của Công ty chưa nắm rõ được nhu cầu về TSCĐ trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Hệ thống nhà kho do đã được xây dựng từ lâu nên những năm gần đây đã bị hư hỏng và xuống cấp khá nhiều. Mặc dù Công ty đã bỏ ra một khoản tiền lớn để nâng cấp sửa chữa nhưng đó mới chỉ là phương án khắc phục tạm thời. Nếu cứ tiếp tục sửa chữa một cách chắp vá như thế thì những năm tiếp theo Công ty vẫn sẽ phải bỏ ra những chi phí không nhỏ cho việc sửa chữa, nâng cấp và cải tạo nhóm TSCĐ này.

- Trong hoạt động tài trợ cho TSCĐ, Công ty phải dựa trên cơ sở nguồn vốn dài hạn huy động được. Tuy nhiên hiện tại Công ty vẫn chưa tìm được nguồn tài trợ hợp lý cho việc sửa chữa cũng như xây mới, mua mới TSCĐ. Hầu hết số tiền bỏ ra cho TSCĐ hàng năm đều là do Công ty trích từ nhiều nguồn và việc sử dụng các nguồn này cũng đạt hiệu quả chưa cao. Vì là mới cổ phần hoá nên Công ty cũng ít chú ý đến các nguồn huy động như phát hành trái phiếu... mà chỉ chú ý đến hoạt động vay tín dụng từ các ngân hàng.

- Công ty chưa thực sự quan tâm đến hiệu quả sử dụng TSCĐ nhất là về mặt tài chính. Việc tính toán các chỉ tiêu tài chính về hiệu quả sử dụng TSCĐ, phân tích tình hình sử dụng TSCĐ những năm vừa qua không đạt hiệu quả. Chính điều này dẫn đến việc đánh giá không chính xác nhu cầu sử dụng cũng như quản lý TSCĐ, từ đó không thể đưa ra những giải pháp đúng đắn. Nguyên nhân là do thiếu một bộ phận chuyên trách làm nhiệm vụ thu thập số liệu, tính toán, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng TSCĐ của Công ty nhằm đưa ra những quyết định hợp lý.

- Do hệ thống các kho và bãi để xe nằm riêng biệt cách xa nhau, không tập trung ở một địa điểm làm cho việc quản lý sử dụng TSCĐ không phát huy được hiệu quả cao.

3.2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG.

3.2.1. Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý TSCĐ

3.2.1.1. Xây dựng một hệ thống TSCĐ có kết cấu hợp lý.

Về cơ bản như ở trên đã phân tích thì kết cấu TSCĐ ở Công ty là phù hợp về tỷ trọng của nhà cửa và kiến trúc vì thực chất loại TSCĐ này là trọng tâm nên chiếm tỷ trọng lớn là điều hợp lý. Tuy nhiên ban lãnh đạo Công ty cần xem xét để mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty sang cung cấp các dịch vụ khác có liên quan như kiểm định chất lượng, số lượng hàng hoá, bốc dỡ, sắp xếp hàng hoá tại cảng cũng như ở các kho vì những hoạt động này là thiết yếu đối với những hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu. Để có thể phát triển thêm được những ngành này đòi hỏi Công ty cần bỏ ra một khoản chi phí để mua một số TSCĐ phục vụ cho hoạt động này như cầu trục, trục nâng hạ, cân đo điện tử, ... Như vậy kết cấu của TSCĐ sẽ trở nên hoàn chỉnh và hợp lý hơn khi tỷ trọng máy móc thiết bị tăng lên đồng thời cũng là lĩnh vực mới mang lại nhiều hứa hẹn cho Công ty. Bên cạnh đó tỷ trọng về phương tiện vận tải vẫn được coi là thấp ở 1 doanh nghiệp có tính chất vận tải như Công ty. Vì thế việc quan tâm đầu tư vào mua sắm thêm một số phương tiện vận tải mới sẽ góp phần cải thiện tỷ trọng của nhóm tài sản này của Công ty. Một kết cấu TSCĐ phù hợp sẽ mang lại hiệu quả cao cho Công ty, nhìn vào kết cấu TSCĐ người ta có thể đánh giá được thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực gì, vì thế Công ty nên cải thiện tình hình kinh doanh của mình bằng việc thiết lập một kết cấu TSCĐ hợp lý.

3.2.1.2. Hoàn thiện quy trình ra quyết định mua sắm TSCĐ.

Công tác đầu tư mua sắm mới TSCĐ là hoạt động trực tiếp ảnh hưởng đến năng lực hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, đó là sự bỏ vốn đầu tư dài hạn, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, do vậy quy trình ra quyết định mua sắm TSCĐ là một vấn đề quan trọng cần phải được phân tích kỹ lưỡng. Trước khi ra quyết định, việc kế hoạch hoá đầu tư mới TSCĐ là cần thiết để xác định chính xác nhu cầu

cho từng loại TSCĐ phục vụ cho hoạt động của Công ty, sẽ tạo điều kiện cho Công ty chủ động huy động nguồn tài trợ phục vụ cho hoạt động đó.

Biện pháp này sẽ giúp Công ty:

- Thông qua các mục tiêu đề ra trong kế hoạch, Công ty có thể chủ động sử dụng các TSCĐ hiện có vì chúng được xác định rõ là sẽ phục vụ cho mục đích gì và trong bao lâu.

- Có cơ hội chuẩn bị và lựa chọn các đối tác để đảm bảo cho các TSCĐ được mua sắm, xây dựng với mức độ hiện đại, chất lượng tốt và giá thành hợp lý.

- Đưa ra được những lựa chọn đúng đắn cho việc đầu tư mới TSCĐ, tránh lãng phí vốn đầu tư.

3.2.1.3. Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ

- Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài chính kế toán về quản lý sử dụng TSCĐ.

- Công ty cần tiến hành đánh giá lại TSCĐ một cách thường xuyên và chính xác. Hiện nay do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho các TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời, với một cơ chế kinh tế thị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với giá trị thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn và bảo toàn vốn cố định, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có những biện pháp xử lý những TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng, chống thất thoát vốn.

- Hiện nay, công tác kế toán của Công ty đã được vi tính hoá, Công ty nên nối mạng với các cơ sở, chi nhánh của mình ở các kho, bãi để tăng cường hiệu quả quản lý TSCĐ, cập nhật thông tin về thị trường và công nghệ.

Biện pháp này giúp Công ty:

- Ghi chép chính xác tình hình TSCĐ, tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của các TSCĐ hiện có từ đó có những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- Từ những số liệu chính xác có trong sổ sách kế toán, Công ty có thể tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty, từ đó đưa ra những giải pháp tốt nhất.

3.2.2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

3.2.2.1. Tăng cường đổi mới công nghệ, quản lý sử dụng và bảo dưỡng TSCĐ.

Việc tăng cường công tác quản lý sử dụng, bảo dưỡng, thường xuyên nâng cấp cải tạo cũng như mua mới, xây mới TSCĐ là một yếu tố quan trọng giúp đảm bảo quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty được liên tục và đạt hiệu quả cao về chất lượng dịch vụ phục vụ.

Tránh việc mất mát, hư hỏng TSCĐ trước thời gian dự tính bằng việc phân cấp quản lý chặt chẽ đến từng chi nhánh, nâng cao tinh thần trách nhiệm vật chất trong quản lý chấp hành nội quy, trong đó quy chế sử dụng TSCĐ là nội dung quan trọng nhất. Công ty cần quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân trong bảo quản, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn cho TSCĐ để chúng luôn được duy trì hoạt động ở trạng thái tốt nhất. Với quy chế thưởng phạt rõ ràng, nghiêm minh, Công ty cần nâng cao và khuyến khích ý thức, tinh thần trách nhiệm của công nhân viên trong việc giữ gìn tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng.

Biện pháp này sẽ giúp Công ty:

- Nắm chắc tình trạng kỹ thuật và sức sản xuất của các TSCĐ hiện có. Từ đó có thể lên kế hoạch đầu tư, đổi mới TSCĐ cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất trong tương lai.

- Đảm bảo an toàn cho TSCĐ trong Công ty và giảm chi phí quản lý TSCĐ.

3.2.2.2. Nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong Công ty.

a/ Đối với cán bộ quản lý.

Đây là đội ngũ quan trọng, quyết định hướng đi cho doanh nghiệp. Họ đứng ra quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty có thể phát triển mạnh mẽ. Nhận thức được điều này, Công ty cần:

- Không ngừng nâng cao trình độ quản lý nghiệp vụ cho họ, mặt khác phải tạo cơ hội cho họ tự phấn đấu vươn lên.

- Chăm lo công tác đào tạo mọi mặt : đào tạo nâng cao, đào tạo lại, đào tạo bổ sung, đào tạo chuyên ngành cho cán bộ kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện máy móc trang thiết bị ngày càng tiên tiến và hiện đại. Cần đặt ra yêu cầu cho họ là phải thường xuyên cập nhật thông tin về các công nghệ mới, hiện đại mà Công ty chưa có điều kiện đầu tư để có thể tham mưu cho ban lãnh đạo khi Công ty tiến hành đổi mới TSCĐ.

b/ Đối với công nhân trực tiếp sử dụng TSCĐ

- Lực lượng công nhân này chủ yếu là công nhân lái xe tải nên điều kiện đặt ra cho đội ngũ công nhân này là không những phải có khả năng sử dụng thành thạo xe ô tô mà còn phải có kinh nghiệm lái xe an toàn, đồng thời cũng phải biết cách bảo dưỡng xe để xe chạy tiết kiệm nhiên liệu và nâng cao tuổi thọ của xe.

- Lực lượng công nhân viên văn phòng và công nhân quản lý, bảo vệ nhà kho bến bãi ở trụ sở chính cũng như ở các chi nhánh của Công ty cũng cần được đào tạo để có thể sử dụng TSCĐ đạt hiệu quả và có trách nhiệm gìn giữ TSCĐ. Đặc biệt là đội ngũ công nhân bảo vệ thường xuyên tiếp xúc với các kho, bến bãi cần quan tâm theo dõi hiện trạng TSCĐ để nhanh chóng phát hiện những hiện tượng xuống cấp hư hỏng của TSCĐ để kịp thời giải quyết.

Biện pháp này giúp Công ty:

- Các TSCĐ trong Công ty được giữ gìn, bảo quản tốt ít bị hư hỏng và như vậy chi phí liên quan sẽ giảm đi nhiều.

- Kịp thời phát hiện sớm dấu hiệu xuống cấp hỏng hóc của TSCĐ để xử lý đảm bảo TSCĐ luôn ở trong trạng thái làm việc tốt nhất.

3.2.2.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ.

- Với hệ thống chứng từ kế toán phải được luân chuyển theo đúng thời gian. Phòng kế toán phải thường xuyên chỉ đạo việc đăng ký và chuyển chứng từ về phòng kế toán theo đúng thời gian và trình tự.

- Với hệ thống sổ sách theo dõi TSCĐ ngoài các loại sổ sách theo quy định của Bộ tài chính như sổ TSCĐ, sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng, thẻ TSCĐ, sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ tổng hợp TSCĐ... Công ty cần lập thêm một số loại sổ sách để quản lý, theo dõi sự biến động của TSCĐ được chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Đối với TSCĐ tăng trong năm, ngoài việc hạch toán theo dõi trên sổ sách theo quy định, hàng năm Công ty nên có bản tổng hợp báo cáo chi tiết mức tăng, giảm TSCĐ. Báo cáo này giúp cho Công ty thấy được tổng quát số TSCĐ tăng, giảm và tỷ trọng tăng, giảm của từng loại TSCĐ. Báo cáo này do kế toán TSCĐ lập.

Biểu số 3.1

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A-Hoàng Văn Thụ-HB-HP

Số: .../BC-TSCĐ

**BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO CHI TIẾT TSCĐ TĂNG
NĂM.....**

| STT | Ngày sử dụng | Số thẻ TSCĐ | Loại TSCĐ | Đơn vị sử dụng | Nguyên giá | Ghi chú |
|-----|---|-------------|-----------|----------------|------------|---------|
| 1 | Quý 1 Cộng..... | | | | | |
| 2 | Quý 2 Cộng..... | | | | | |
| 3 | Quý 3 Cộng..... | | | | | |
| 4 | Quý 4 Cộng..... | | | | | |
| 5 | Tổng cộng | | | | | |

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A-Hoàng Văn Thụ-HB-HP

Số: .../BC-TSCĐ

BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO CHI TIẾT TSCĐ GIẢM
NĂM.....

| STT | Ngày sử dụng | Số thẻ TSCĐ | Loại TSCĐ | Đơn vị sử dụng | Nguyên giá | Ghi chú |
|-----|---|-------------|-----------|----------------|------------|---------|
| 1 | Quý 1 Cộng..... | | | | | |
| 2 | Quý 2 Cộng..... | | | | | |
| 3 | Quý 3 Cộng..... | | | | | |
| 4 | Quý 4 Cộng..... | | | | | |
| 5 | Tổng cộng | | | | | |

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngoài ra bộ phận kế toán TSCĐ sau khi tổng hợp toàn bộ số liệu nên tiến hành lập một Bảng phân tích về cơ cấu TSCĐ trong Công ty so với năm trước để thấy được tỷ trọng loại TSCĐ nào tăng, giảm bao nhiêu, điều đó cho thấy loại TSCĐ nào chủ lực tạo ra tăng trưởng cho Công ty. Từ đó sẽ chú trọng đầu tư cũng như xem xét thay thế các TSCĐ không có hiệu quả. Bảng phân tích do kế toán TSCĐ lập và trình kế toán trưởng xem xét báo cáo Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty.

Biểu số 3.3

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A-Hoàng Văn Thụ-HB-HP

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

ĐVT: Đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | Tỷ trọng % | | Chênh lệch | |
|--------------------------------|------|------|------------|------|------------|---|
| | | | 2008 | 2009 | Giá trị | % |
| Nguyên giá Trong TSCĐ đó | | | | | | |
| Nhà cửa vật kiến trúc | | | | | | |
| Phương tiện vận tải | | | | | | |
| Máy móc, thiết bị | | | | | | |
| Thiết bị dụng cụ q.lý | | | | | | |
| TSCĐ khác | | | | | | |

Ngày ...tháng....năm...

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Từ việc phân tích cơ cấu về tỷ trọng các loại TSCĐ trong Công ty, Công ty cần lập thêm Bảng phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ năm nay so với năm trước phục vụ đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, bảng này do kế toán TSCĐ lập vào cuối năm.

Biểu số 3.4

Công ty Vietrans Hải Phòng
Số 5A-Hoàng Văn Thụ-HB-HP

BẢNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ

NĂM: ...

| Chỉ tiêu | Năm trước | Năm nay | Chênh lệch | |
|------------------------------|-----------|---------|------------|---|
| | | | +/- | % |
| 1. Nguyên giá TSCĐ bình quân | | | | |
| 2. Doanh thu | | | | |
| 3. Lợi nhuận ròng | | | | |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | | | | |
| - Hiệu suất sử dụng TSCĐ | | | | |
| - Suất tiêu hao TSCĐ | | | | |
| ... | | | | |
| | | | | |

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Trên đây những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng. Mặc dù, những giải pháp được đưa ra dựa trên cơ sở nghiên cứu nghiêm túc về tình hình tài chính và hoạt động sử dụng TSCĐ của Công ty trong thời gian qua. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu có hạn, bản thân chưa tiếp xúc nhiều với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt do trình độ còn hạn chế cho nên chắc chắn những giải pháp đưa ra còn nhiều điểm chưa phù hợp và cần tiếp tục xem xét.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây đặc biệt là năm 2008 là năm nền kinh tế thế giới đang có dấu hiệu suy thoái, năm 2009 là năm được dự báo là tình hình kinh tế sẽ không khả quan hơn năm 2008, vì thế hoạt động kinh doanh của Công ty ngoài việc chịu sức ép từ các đối thủ cạnh tranh còn phải chịu hậu quả kéo theo từ sự suy thoái kinh tế thế giới. Để có thể đáp tiếp tục đạt mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như dự kiến trong những năm tới, Công ty cần thiết phải có những chính sách quản lý và sử dụng TSCĐ hợp lý nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả của TSCĐ.

Hiện nay, Công ty đang sở hữu một hệ thống TSCĐ có giá trị lớn nhưng có kết cấu khá hợp lý và hàng năm Công ty vẫn luôn quan tâm đến việc đầu tư vào TSCĐ. Trong thời gian qua, vấn đề sử dụng TSCĐ tại Công ty đã đạt được nhiều thành tựu song không tránh khỏi những lúc thăng trầm và còn nhiều hạn chế. Với tầm vai trò của TSCĐ trong hoạt động kinh doanh, việc tìm ra giải pháp giúp Công ty nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ là điều có ý nghĩa quan trọng.

Với đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định với việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng**”. Em đã vận dụng những kiến thức đã học để nghiên cứu thực tế tình hình sử dụng TSCĐ tại Công ty CP giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng. Bài viết đã nêu lên thực trạng tình hình sử dụng TSCĐ tại Công ty, phân tích những kết quả đạt được và những khó khăn cần khắc phục để tìm ra nguyên nhân gây ra những hạn chế trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán TSCĐ với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Công ty

Em xin cảm ơn cô giáo **Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương**- người đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này. Đồng thời em cũng xin cảm ơn Ban lãnh đạo công ty CP giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian qua. Song vì điều kiện có hạn, kiến thức thực tế còn ít nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được các thầy cô đóng góp ý kiến để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

----- * * * * * -----

1. Giáo trình kế toán doanh nghiệp- Trường Học Viện Tài Chính
2. Bộ Tài Chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính Hà Nội
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS-TS . Nguyễn Văn Công
4. Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp, PGS-TS. Nguyễn Đình Kiệt, TS Trương Thị Thúy, NXB Thống Kê Hà Nội – 2003
5. Một số khóa luận của các anh chị khóa trước.
6. Sổ sách , chứng từ kế toán và một số tài liệu của Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng và một số tài liệu khác.

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI NÓI ĐẦU | 1 |
| PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP. | 2 |
| 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH. | 2 |
| 1.1.1. Khái niệm về tài sản cố định. | 2 |
| 1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định. | 2 |
| 1.1.3. Phân loại tài sản cố định..... | 3 |
| 1.1.3.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện..... | 3 |
| 1.1.3.2. Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu. | 5 |
| 1.1.3.3. Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành..... | 6 |
| 1.1.3.4. Phân loại TSCĐ theo công dụng và tình hình sử dụng..... | 6 |
| 1.2. ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH..... | 7 |
| 1.2.1. Nguyên giá TSCĐ | 7 |
| 1.2.2. Giá trị hao mòn TSCĐ | 9 |
| 1.2.3. Xác định giá trị còn lại của TSCĐ. | 9 |
| 1.3. HẠCH TOÁN BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH. | 9 |
| 1.3.1. Tài khoản sử dụng. | 9 |
| 1.3.2. Hạch toán chi tiết tài sản cố định. | 12 |
| 1.3.3. Hạch toán tổng hợp tình hình biến động tài sản cố định. | 13 |
| 1.3.3.1. Hạch toán tăng TSCĐ hữu hình. | 13 |
| 1.3.3.2. Hạch toán giảm TSCĐ hữu hình..... | 18 |
| 1.3.3.3. Hạch toán TSCĐ đi thuê và cho thuê..... | 22 |
| 1.4. KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH..... | 23 |
| 1.4.1. Khái niệm. | 23 |
| 1.4.2. Các phương pháp khấu hao..... | 24 |
| 1.4.2.1. Phương pháp khấu hao theo đường thẳng..... | 24 |
| 1.4.2.2. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh..... | 25 |

| | |
|---|-----------|
| 1.4.2. Phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm. | 26 |
| 1.5. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH. | 28 |
| 1.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ. | 28 |
| 1.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ..... | 28 |
| PHẦN 2: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 29 |
| 2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 29 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty. | 29 |
| 2.1.2. Đặc điểm nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty..... | 30 |
| 2.1.3: Kết quả đạt được trong những năm qua. | 30 |
| 2.1.4: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý..... | 31 |
| 2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán. | 33 |
| 2.1.6. Hình thức sổ kế toán..... | 34 |
| 2.1.6.1. Kế toán trình bày quy trình tổng hợp và lập báo cáo tài chính sau: | 34 |
| 2.1.6.2. Năm tài chính | 36 |
| 2.1.6.3. Hệ thống kế toán | 36 |
| 2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng. | 39 |
| 2.2.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán tăng TSCĐ hữu hình..... | 39 |
| 2.2.2.2. Chứng từ và thủ tục kế toán giảm TSCĐ hữu hình. | 45 |
| 2.2.3. Kế toán tổng hợp tài sản cố định hữu hình | 49 |
| 2.2.3.1. Kế toán biến động tăng tài sản cố định hữu hình..... | 49 |
| 2.2.3.2. Kế toán giảm tài sản cố định hữu hình..... | 56 |
| 2.4. HẠCH TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG. | 63 |
| 2.5. KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN HỮU HÌNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 65 |
| 2.6. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH..... | 66 |

| | |
|--|-----------|
| 2.6.1. Phân tích cơ cấu tài sản cố định tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận Ngoại thương Hải Phòng..... | 66 |
| 2.6.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty. | 67 |
| PHẦN 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 70 |
| 3.1. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 70 |
| 3.1.1. Kết quả mà công ty đạt được. | 70 |
| 3.1.2. Hạn chế còn tồn tại..... | 70 |
| 3.2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG..... | 72 |
| 3.2.1. Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý TSCĐ..... | 72 |
| 3.2.1.1. Xây dựng một hệ thống TSCĐ có kết cấu hợp lý..... | 72 |
| 3.2.1.2. Hoàn thiện quy trình ra quyết định mua sắm TSCĐ..... | 72 |
| 3.2.1.3. Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ..... | 73 |
| 3.2.2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ..... | 74 |
| 3.2.2.1. Tăng cường đổi mới công nghệ, quản lý sử dụng và bảo dưỡng TSCĐ. .. | 74 |
| 3.2.2.2. Nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong Công ty. | 74 |
| 3.2.2.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ. | 75 |
| KẾT LUẬN | 81 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 82 |